

TÓM TẮT LUẬN VĂN CAO HỌC KHÓA XII (2011 - 2013)

1. Đề tài: Vấn đề môi trường trong chính sách đối ngoại Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh đến nay

Học viên: Nguyễn Lê Hoàng Lâm

Từ sau chiến tranh lạnh đến nay, tình hình thế giới toàn cầu hóa ngày càng mở rộng về nhiều lĩnh vực, vấn đề về môi trường là một trong những vấn đề được rất nhiều nước quan tâm và là thách thức lớn đối với các nước có nền kinh tế phát triển. Việc nước Mỹ vươn lên đứng đầu thế giới về công nghiệp từ đầu thế kỷ XX đã giúp cho nước này giành được vị thế siêu cường mạnh nhất thế giới. Tuy vậy, Mỹ cũng là nước thải ra lượng khí thải công nghiệp độc hại lớn nhất thế giới góp phần tàn phá môi trường thiên nhiên làm biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường. Chính vì vậy, chính quyền Mỹ đã phải thực thi nhiều chính sách liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường, những chính sách đó đã và đang ngày càng có vai trò quan trọng trong chính sách đối ngoại của siêu cường mạnh nhất thế giới này. Chính sách môi trường toàn cầu của chính phủ Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh đến nay đã có tác động đến nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn “**Vấn đề môi trường trong chính sách đối ngoại Mỹ từ sau Chiến tranh lạnh đến nay**” gồm có 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về các vấn đề môi trường toàn cầu từ sau Chiến tranh lạnh đến nay, Chương này đưa ra cái nhìn tổng quát về các vấn đề môi trường nổi bật, thực trạng, nguyên nhân cũng như hệ quả của ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến con người nói riêng và xã hội nói chung, đồng thời khẳng định mức độ cần thiết trong việc giải quyết ô nhiễm môi trường.

Chương 2: Vấn đề môi trường toàn cầu và quan hệ đối ngoại của Mỹ. Chương này sẽ tập trung nghiên cứu các chính sách đối ngoại của Mỹ trong lĩnh vực môi trường và đề cập tới vai trò của Mỹ trong hợp tác quốc tế từ sau chiến tranh lạnh đến nay. Luận văn sẽ nêu một số phân tích đánh giá các thành tựu mà Mỹ đã đạt được với tư cách là một nước lớn có tầm ảnh hưởng quốc tế sâu rộng trong vấn đề giải quyết ô nhiễm môi trường toàn cầu.

Chương 3: Hệ lụy của chính sách môi trường toàn cầu của Mỹ đối với quan hệ quốc tế. Chương này đi sâu phân tích các vấn đề môi trường của Mỹ có ảnh hưởng thế nào tới các quan hệ song phương và đa phương của Mỹ. Trên cơ sở những phân tích thực tế đó, đưa ra ý kiến về việc thúc đẩy mối quan hệ hợp tác quốc tế giữa Mỹ và Việt Nam trong lĩnh vực môi trường.

2. Đề tài: Hợp tác giữa Việt Nam với các tổ chức phi chính phủ của Mỹ về viện trợ nhân đạo và phát triển giai đoạn 1995 - 2010

Học viên: Lê Trung Hiếu

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và chính trị thế giới có nhiều biến động, hàm chứa những yếu tố khó lường, thiên tai nặng nề tại nhiều vùng trên thế giới, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột tôn giáo và sắc tộc diễn biến phức tạp, các vấn đề toàn cầu như tình trạng nghèo đói tại nhiều quốc gia còn rất nặng nề, sự phân hoá giàu nghèo giữa các nước, các khu vực càng trở nên gay gắt, sự xuống cấp của môi trường, biến đổi khí hậu,... các tổ chức phi chính phủ (TCPCP) ngày càng nổi lên như một lực lượng quan trọng trong hệ thống quan hệ quốc tế với số lượng lên đến hàng chục triệu tổ chức, trong đó có hàng chục ngàn TCPCP quốc tế. Chính phủ các nước phát triển tăng cường thông qua các TCPCP để triển khai các dự án viện trợ và thực hiện chính sách đối ngoại của mình, thúc đẩy các giá trị của mình, coi đây là một hình thức triển khai có hiệu quả “sức mạnh mềm” của quốc gia.

Bên cạnh đó, ngành phi lợi nhuận của Mỹ phát triển mạnh và rất đa dạng: có tới hơn 1,5 triệu tổ chức phi lợi nhuận được miễn thuế đã đăng ký chính thức, trong đó khoảng 1,01 triệu là tổ chức từ thiện (cung cấp các dịch vụ y tế, sức khỏe, phúc lợi và dịch vụ khác) và có hơn 64.000 quỹ tư nhân (foundation), đều là những tổ chức có tiềm năng tài chính rất dồi dào, như: Quỹ Bill and Melinda Gates (có trên 60 tỷ USD), Quỹ Lily (có 12 tỷ USD), Quỹ Ford (có 9 tỷ USD)....

Luận văn với đề tài: **“Hợp tác giữa Việt Nam với các tổ chức phi chính phủ của Mỹ về viện trợ nhân đạo và phát triển giai đoạn 1995 - 2010”** đã tập trung nghiên cứu cơ sở hình thành sự hợp tác giữa Việt Nam và các TCPCP của Mỹ trong lĩnh vực nhân đạo và phát triển, đồng thời nêu lên thực trạng triển khai các chương trình/ dự án của các TCPCP Mỹ, phân tích đánh giá những kết quả đạt được, tác động tích cực cũng như hạn chế, tồn tại trong quá trình hợp tác kể từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ ngoại giao năm 1995 đến nay nhằm tranh thủ tối đa sự ủng hộ, vận động thêm các nguồn tài trợ giúp đỡ Việt Nam, tăng cường công tác quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn viện trợ góp phần thúc đẩy hiểu biết lẫn nhau và quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các TCPCP Mỹ phục vụ thiết thực cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá nói trên, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất phương hướng và một số biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác giữa Việt Nam với các TCPCP Mỹ trong thời gian tới trên cơ sở phát huy tối đa nguồn lực, tương xứng với tiềm năng của các TCPCP Mỹ về viện trợ nhân đạo và phát triển trong bối cảnh Việt Nam và Mỹ đã xây dựng mối quan hệ đối tác toàn diện sau chuyến thăm của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tháng 7 năm 2013.

3. Đề tài: Sự tham gia của Lào trong hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông

Học viên: Oudomsak Sypaseuth

Trong bối cảnh hiện nay, thế giới đứng trước nhiều vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết nếu không có sự hợp tác đa phương. Do đó trong chiến lược đối ngoại, CHDCND Lào cũng không nằm ngoài quy luật đó bởi những thách thức to lớn trong việc giải quyết các vấn đề mà hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông đặt ra. Với ý nghĩa khoa học và thực tiễn đó tác giả đã chọn đề tài: **“Sự tham gia của Lào trong hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông”** để viết luận văn.

Luận văn hướng tới việc làm rõ quá trình tham gia của Lào trong hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông. Trên cơ sở đánh giá những thành công và hạn chế của sự tham gia này, luận văn đưa ra một số đề xuất chính sách nhằm nâng cao vai trò của Lào cũng như hiệu quả hợp tác hơn trong thời gian tới.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Khái quát về hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông. Trong phần này tác giả trình bày một vài nét về sông Mê Kông, Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - văn hóa xã hội... và nhu cầu hợp tác của các nước trong tiểu vùng để thấy được quá trình hình thành và phát triển, hợp tác trên mọi lĩnh vực giữa các quốc gia với nhau.

Chương 2: Quá trình tham gia của Lào trong hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông. Đây là phần nội dung chính của luận văn, tác giả sẽ đi sâu vào phân tích những nhân tố thúc đẩy sự tham gia của Lào vào tiến trình hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông, đồng thời xem xét trên mọi góc độ hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực từ đó đưa ra cái nhìn tổng quát để đánh giá một cách khách quan về sự hợp tác giữa các quốc gia.

Chương 3: Triển vọng phát triển hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông và một số giải pháp đối với Lào. Trên cơ sở phân tích chương 1 và chương 2, chương này tác giả đưa ra những dự báo về Triển vọng phát triển hợp tác của các nước trong khu vực những năm tới. Qua đó tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy sự hợp tác mạnh mẽ hơn nữa của CHDCND Lào với các quốc gia trong khu vực nhằm đạt hiệu quả cao hơn nữa trong các lĩnh vực hợp tác.

Hợp tác tiểu vùng Sông Mê Kông từ khi ra đời cho tới nay đã đã tập hợp được hầu hết tất cả các nước trong khu vực Sông Mê Kông cùng nhau hợp tác phát triển kinh tế, chính trị, xã hội. Bộ mặt kinh tế của các nước ngày càng được cải thiện, ổn định chính trị - xã hội, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao. Vị thế, địa vị của các nước trong khu vực GMS ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Đặc biệt, đối với quốc gia Lào, trong xu thế phát triển chung của thế giới, toàn Đảng và toàn thể nhân dân Lào đã thấy được hiệu quả của việc tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực GMS. Từ một nước nghèo, lạc hậu kém phát triển đến nay Lào đã trở thành một quốc gia có nền kinh tế phát triển, công- nông nghiệp được đầu tư phát triển, ổn định về an ninh, xã hội.

4. Đề tài: Cạnh tranh chiến lược Nhật – Trung hai thập niên đầu thế kỷ XXI

Học viên: Nguyễn Anh Tuấn

Đề tài này có mục đích tìm hiểu cơ sở lợi ích dẫn đến cạnh tranh giữa Nhật Bản và Trung Quốc, từ đó làm rõ thực trạng cạnh tranh chiến lược giữa Nhật Bản và Trung Quốc trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI tại Đông Nam Á và đề tài cũng đã tập trung nghiên cứu lợi ích chiến lược của Nhật Bản, Trung Quốc và vị trí, vai trò của Đông Nam Á trong hoạch định chính sách của Nhật Bản, Trung Quốc thực thi tại Đông Nam Á trên các lĩnh vực an ninh, chính trị, kinh tế.

Trước hết, đề tài làm rõ quá trình cạnh tranh chiến lược của Nhật Bản và Trung Quốc tại Đông Nam Á trong thập niên đầu thế kỷ XXI. Khu vực Đông Nam Á hiện nay có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và vị trí địa – chiến lược rất quan trọng đối với các cường quốc trên thế giới, đặc biệt là Nhật Bản và Trung Quốc. Cuộc cạnh tranh của Nhật Bản và Trung Quốc ở Đông Nam Á trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI đang thu hút được sự quan tâm, nghiên cứu của nhiều học giả, các chuyên gia, các nhà phân tích chính trị.

Đề tài dự báo xu thế vận động của cạnh tranh Nhật - Trung từ nay đến 2020 là Trung Quốc có lợi thế ngày càng áp đảo so với Nhật Bản, buộc Nhật Bản vừa phải nâng cao sức mạnh quốc gia tổng hợp, vừa phải dựa nhiều hơn vào Mỹ nếu không muốn bị đẩy xuống làm “đàn em” của Trung Quốc.

Hơn nữa, đề tài cũng làm sáng tỏ sự cạnh tranh chiến lược giữa Nhật Bản và Trung Quốc tại Đông Nam Á sẽ có những tác động rõ rệt đối với sự ổn định của khu vực Đông Nam Á trong thời gian tới đó là sự cạnh tranh giữa hai cường quốc này sẽ gây nên những nhân tố bất ổn định và làm phức tạp thêm quan hệ quốc tế trong khu vực. Nhưng mặt khác sự cạnh tranh này cũng tạo điều kiện cho các nước trong khu vực Đông Nam Á phát triển và nâng cao vị thế, thúc đẩy nhanh tiến trình hội nhập khu vực và thế giới. Các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam cần tỉnh táo trong thực hiện quan hệ song phương, đa phương với Nhật Bản và Trung Quốc. Nâng cao tính độc lập tự chủ, phát huy nội lực và gia tăng gắn kết cộng đồng, cố kết nội khối là yêu cầu cơ bản bảo đảm cho các quốc gia Đông Nam Á có thể tận dụng được cơ hội, lợi thế, khắc phục được nguy cơ, thách thức, không bị “kẹt” trong sự cạnh tranh chiến lược phức tạp và quyết liệt giữa Nhật Bản và Trung Quốc, bảo đảm sự ổn định và phát triển.

5. Đề tài: Cơ chế nhân quyền ASEAN: Thực trạng và triển vọng

Học viên: Phùng Thị Mai Oanh

Xu thế hội nhập quốc tế cũng như nhu cầu bảo vệ công dân từ lâu đã thúc đẩy các nước trong từng khu vực hợp tác với nhau thành lập ra các cơ chế nhân quyền nhằm bảo vệ tốt nhất các quyền cơ bản cho người dân. Tuy nhiên do những đặc thù của khu vực, các quốc gia thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) gần đây mới bước đầu thành lập cơ chế nhân quyền của mình.

Luận văn “**Cơ chế nhân quyền ASEAN: Thực trạng và triển vọng**” tập trung vào 03 nội dung chính được chia theo 03 chương:

Chương 1 trình bày khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về quyền con người, quyền con người trong quan hệ quốc tế, cơ chế nhân quyền, khái quát các nội dung chính về các cơ chế bảo vệ nhân quyền quốc tế và khu vực hiện có như cơ chế nhân quyền Liên hợp quốc, cơ chế nhân quyền Châu Âu, Châu Phi và Châu Mỹ.

Chương 2 của luận văn khái quát sự phát triển của ASEAN và phân tích những đặc điểm nổi bật của Hiệp hội có liên quan trực tiếp đến sự hình thành và phát triển của cơ chế nhân quyền. Chương này cũng nghiên cứu và bàn luận về cơ sở hình thành cơ chế nhân quyền như những nhận thức và thực tiễn về bảo vệ quyền con người tại các nước ASEAN, vấn đề hợp tác trong lĩnh vực nhân quyền, sự cần thiết xây dựng cơ chế nhân quyền. Chương II sẽ đồng thời phân tích các nội dung chính của cơ chế nhân quyền ASEAN hiện nay.

Chương 3 đánh giá vai trò, ý nghĩa của cơ chế nhân quyền hiện nay của ASEAN cũng như xem xét những mặt còn hạn chế của cơ chế. Trên cơ sở đó luận văn đưa ra một số triển vọng và đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa cơ chế nhân quyền ASEAN, tạo điều kiện cho việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong khu vực đạt hiệu quả cao hơn nữa, đáp ứng được nguyện vọng của 600 triệu người dân ASEAN và theo kịp sự phát triển của các cơ chế nhân quyền đã có ở các khu vực khác trên thế giới.

6. Đề tài: Quan hệ Trung - Nhật và tác động tới ASEAN sau sự kiện 11/9/2001

Học viên: Đặng Phương Anh

Vụ tấn công của lực lượng khủng bố ngày 11/9/2001 nhằm vào nước Mỹ đã tạo nên những thay đổi sâu sắc trong lòng nước Mỹ và cục diện trên thế giới. Đã hơn 10 năm kể từ sau sự kiện gây chấn động thế giới, nó đã và đang tạo ra sự dịch chuyển quan trọng về cán cân quyền lực trên phạm vi toàn cầu. Trong khi đó, sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự lớn mạnh của Nhật Bản đã đặt hai cường quốc này vào vị trí then chốt trong mọi vấn đề tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Quan hệ Trung – Nhật tốt hay xấu không chỉ có ảnh hưởng rất lớn đến quan hệ hai nước mà còn tác động đến sự ổn định và hoà bình của khu vực. Từ sau sự kiện 11/9, hai nước đã có những thay đổi trong chính sách song phương và còn thay đổi trong chính sách đối với ASEAN và Việt Nam. Những thuận lợi và khó khăn trong mối quan hệ Trung - Nhật trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh - quân sự, kinh tế - thương mại sau sự kiện 11/9 rất phức tạp. Sự thăng trầm trong quan hệ hai nước thay đổi khó lường và thường xuyên rơi vào tình trạng “chính trị lạnh, kinh tế nóng”.

Rõ ràng rằng, ASEAN ngày càng thể hiện được vai trò của mình trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực. Vị thế của ASEAN ngày càng trở nên quan trọng trong chiến lược của nhiều nước đồng thời cũng trở thành nơi cạnh tranh giữa các nước lớn và có ảnh hưởng trực tiếp tới nhiều mối quan hệ, trong đó có quan hệ Trung – Nhật. Để có thể tạo được thế cân bằng tại Đông Nam Á đòi hỏi Việt Nam và các nước ASEAN phải đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau, kết hợp hài hoà lợi ích riêng và lợi ích chung của cả khối.

7. Đề tài: Ngoại giao nhân dân theo phong cách Hồ Chí Minh

Học viên: Phạm Thị Huyền Trang

Thế kỷ XXI chứng kiến sự chuyển biến lớn trong đời sống quốc tế với sự tham gia rộng rãi của các tác nhân phi nhà nước, tạo điều kiện cho việc phát triển ngoại giao nhân dân bên cạnh ngoại giao nhà nước. Xu hướng này đặc biệt nổi trội từ sau sự xuất hiện của khái niệm “sức mạnh mềm” do Joseph S.Nye Jr. khởi xướng, trong đó ngoại giao nhân dân đóng vai trò là công cụ thực hiện. Để thực hiện các chiến lược ngoại giao nhân dân rầm rộ, các nước phát triển đã tiêu tốn rất nhiều tài lực, vật lực và nhân lực nhằm xây dựng những công cụ hùng mạnh như mạng lưới thông tin, truyền thông, thị trường văn hóa phẩm.

Xét trên khía cạnh này, các quốc gia có nền kinh tế chậm phát triển hoặc đang phát triển như Việt Nam đã tỏ ra yếu thế hơn trong việc thúc đẩy ngoại giao nhân dân. Vậy làm thế nào để các nước đang phát triển có thể tiến hành ngoại giao nhân dân một cách hiệu quả trong điều kiện kinh tế không thuận lợi? Để giải quyết vấn đề này, không phương án nào tối ưu hơn việc đưa bản sắc dân tộc với sức thu hút và tính thuyết phục cao vào hoạt động ngoại giao nhân dân.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ, nền độc lập của Việt Nam không được chính phủ của nhiều quốc gia công nhận. Bên cạnh đó, tất cả các nguồn nhân lực và vật lực đều được tập trung cho công cuộc kháng chiến. Tuy nhiên, dưới sự dẫn dắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt Nam đã thực hiện thành công các hoạt động ngoại giao nhân dân và nhận được nhiều cảm tình cũng như sự ủng hộ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc trong nước. Với tình hình đất nước như vậy, yếu tố nào đã giúp ngoại giao nhân dân của Việt Nam giành được nhiều thắng lợi? Phải chăng sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh trong công tác ngoại giao nhân dân có những đặc điểm quyết định đến sự thành công của nền ngoại giao nhân dân Việt Nam giai đoạn này? Và phải chăng chính những đặc điểm ấy đã góp phần hình thành nên bản sắc của ngoại giao nhân dân Việt Nam?

Để làm rõ những vấn đề này, luận văn hướng mục đích tìm hiểu và làm rõ nội dung của “*phong cách Hồ Chí Minh trong ngoại giao nhân dân*” và “*ngoại giao nhân dân theo phong cách Hồ Chí Minh*” thông qua công tác ngoại giao nhân dân của Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng từ năm 1930 đến nay. Đồng thời, luận văn đề xuất những giải pháp kế thừa và phát huy “*ngoại giao nhân dân theo phong cách Hồ Chí Minh*” nhằm tạo nét riêng, đặc sắc và thuyết phục trong hoạt động ngoại giao nhân dân của Việt Nam.

8. Đề tài: Cạnh tranh Mỹ - Trung ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương dưới thời Tổng thống Barack Obama (2009 – 2012)

Học viên: Nguyễn Thị Hồng Nhung

Trong những năm gần đây, Châu Á – Thái Bình Dương là một khu vực có bối cảnh chính trị tương đối ổn định cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và phát triển năng động nhất thế giới. Những thành công của các nước châu Á – Thái Bình Dương về tăng trưởng kinh tế, điển hình là sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc đã góp phần nâng cao vị thế của khu vực này. Đồng thời khu vực này là nơi tập trung nhiều lợi ích và ưu tiên chiến lược của tất cả các nước lớn. Xung đột lợi ích và cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc đã diễn ra hết sức phức tạp trong khu vực này.

Khu vực châu Á – Thái Bình Dương đóng vai trò quan trọng trong chính sách của 02 cường quốc là Mỹ và Trung Quốc. Nguyên nhân chính khiến cho cạnh tranh Mỹ - Trung trở nên quyết liệt là sự va chạm lợi ích giữa một siêu cường muốn duy trì vị thế bá quyền duy nhất và một cường quốc đang trỗi dậy mạnh mẽ, có tham vọng bá chủ khu vực và phá vỡ trật tự do Mỹ chi phối, thiết lập trật tự đa cực. Tuy nhiên, dù cạnh tranh có những lúc diễn ra căng thẳng nhưng Mỹ và Trung vẫn giữ quan hệ hợp tác không đối đầu.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, luận văn được chia làm ba chương:

Chương 1: Chương này trình bày khái quát về quan hệ Mỹ - Trung trước và tại thời Tổng thống Obama; đồng thời nêu ra những nhân tố góp phần tác động đến cạnh tranh Mỹ - Trung như: nhân tố châu Á – Thái Bình Dương, sự trỗi dậy của Trung Quốc

Chương 2: Chương này tập trung làm rõ quá trình cạnh tranh ảnh hưởng của Mỹ và Trung Quốc tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương dưới thời Tổng thống Obama trên các lĩnh vực: chính trị - ngoại giao, an ninh – quân sự, kinh tế - thương mại, văn hoá – giáo dục.

Chương 3: Chương này đưa ra kết quả của cạnh tranh Mỹ - Trung trong thời gian vừa qua; tác động của nó tới đời sống thế giới, khu vực, Việt Nam và đồng thời đưa ra dự báo sự cạnh tranh này trong tương lai sắp tới.

9. Đề tài: Quan hệ Chính trị Lào - Thái từ sau chiến tranh Lạnh đến 2012

Học viên: Sithiphong Inthivixay

Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, các nước XHCN ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, cùng với xu thế hai cực đã chuyển sang hòa hoãn, hợp tác và phát triển. Quan hệ về chính trị giữa hai nước Lào và Thái Lan sau chiến tranh lạnh từng bước có những thay đổi nhanh chóng, chuyển biến theo hướng tích cực. Trong nhiều lĩnh vực, sự phụ thuộc lẫn nhau, đan xen lợi ích giữa hai nước ngày càng gia tăng, gắn bó mật thiết với nhau, đem lại một sự hợp tác ổn định hai nước. Để có cái nhìn bao quát, tổng thể về mối quan hệ giữa hai nước đặc biệt là về mặt chính trị tác giả đã lựa chọn đề tài **“Quan hệ Chính trị Lào - Thái từ sau chiến tranh Lạnh đến 2012”** làm đề tài luận văn của mình.

Nghiên cứu quan hệ chính trị Lào - Thái Lan sau chiến tranh lạnh đến nay (1991 – 2012) để thấy rõ thực trạng quan hệ hai nước như thế nào, trên cơ sở đó đề tài đưa ra những nhận định, đánh giá và một số triển vọng trong quan hệ hai nước thời gian tới nhằm thúc đẩy quan hệ hai nước ngày càng tốt đẹp hơn, trên cơ sở hai nước láng giềng và có quan hệ mật thiết về dòng máu.

Luận văn phân tích một số nhân tố cơ bản tác động đến quan hệ chính trị Lào - Thái Lan. Phân tích và đánh giá thực trạng quan hệ chính trị Lào – Thái Lan từ sau chiến tranh lạnh đến nay để rút ra những bài học kinh nghiệm cho quan hệ hai nước. Trên cơ sở bối cảnh quốc tế, khu vực và bối cảnh hai nước, tác giả mạnh dạn đưa ra những dự báo cho quan hệ chính trị hai nước thời gian tới đến 2020.

Luận văn: gồm có 3 chương:

Chương 1: Chương này tác giả đi sâu vào phân tích những nhân tố cơ bản tác động đến quan hệ Lào và Thái Lan trong năm 1991-2012, nêu rõ các tình hình đã xảy ra một cách tiếp cận mà dựa vào lịch sử cụ thể của hai nước và phân tích thêm những chính sách của hai nước đã đề ra.

Chương 2: Chương hai sẽ tập trung nghiên cứu những thực trạng và phân tích mối quan hệ của Lào-Thái Lan khi Lào đang chuẩn bị trở thành thành viên của ASEAN. Trong bối cảnh chiến tranh mới kết thúc làm nên quan hệ chính trị của hai nước vẫn gặp khó khăn, chương này nêu lên sự hợp tác và phát triển cải thiện lại mối quan hệ kể cả về mặt chính trị lẫn các lĩnh vực khác.

Chương 3: Trong chương này sẽ đưa ra những dự báo về tình hình quốc tế và khu vực trên cơ sở đánh giá những thuận lợi, khó khăn trên cơ chế hợp tác của hai nước cũng như trong khu vực trong thời gian tới và đưa ra một số khuyến nghị nhằm tăng cường quan hệ chính trị Lào – Thái Lan.

Quá trình nghiên cứu mối quan hệ chính trị Lào – Thái từ sau chiến tranh lạnh đến nay, tác giả nhận thấy trở ngại cơ bản trong quan hệ giữa hai nước là khác biệt về chế độ chính trị và thái độ nghi ngờ, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Đây là nguyên nhân gây ra tác động xấu đến mối quan hệ giữa hai nước. Xung đột biên giới lãnh thổ năm 1989 chính là biểu hiện bề mặt của sự thiếu tin tưởng đó.

Vì vậy, trong tương lai những người hoạch định chính sách của cả hai nước cần nâng cao tinh thần hợp tác, hữu nghị, đặt lợi ích của nhân dân hai nước lên trên những lợi ích hẹp hòi, ích kỷ của riêng mình, tôn trọng sự hòa bình, ổn định lâu dài của khu vực, tạo điều kiện cho nhân dân hai nước có cuộc sống ấm no và đầy đủ. Điều này phù hợp với nguyện vọng, mong muốn bấy lâu nay của nhân dân hai nước và phù hợp với xu thế hòa bình, hợp tác trên thế giới và trong khu vực.

10. Đề tài: Việt Nam và thực trạng hợp tác an ninh hàng hải trên Biển Đông đầu thế kỷ XXI

Học viên: Bùi Thùy Linh

Trong bối cảnh ASEAN đang hướng tới việc hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (vào năm 2015) và sự kết nối lớn hơn giữa 10 nền kinh tế ASEAN với các nền kinh tế lớn của khu vực, thì hợp tác chặt chẽ giữa các nước trong việc duy trì an ninh hàng hải là cần thiết. Đang có một sự cạnh tranh rõ ràng về năng lực hải quân giữa các nước tranh chấp quyền kiểm soát Biển Đông. Việc Trung Quốc và các nước có tuyên bố chủ quyền trên Biển Đông tăng cường lực lượng tiềm lực quân sự tạo đe dọa đến an ninh hàng hải của Biển Đông. Trong các diễn biến gần đây như việc các Mỹ đang thực hiện chính sách tái cân bằng tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương; các cường quốc như Ấn Độ, Australia, Nga ... đều muốn gia tăng ảnh hưởng tại khu vực; Philippines kiện Trung Quốc về tuyên bố chủ quyền tại Biển Đông lên Tòa án Quốc tế về Luật Biển (ITLOS); liên tục có các vụ va chạm giữa tàu Trung Quốc với các tàu đánh cá Việt Nam, Philippines ... cho thấy tình hình an ninh hàng hải, chủ yếu là an ninh truyền thống trên Biển Đông rất đáng lo ngại. Việc đảm bảo an ninh hàng hải truyền thống sẽ có yếu tố quyết định đến sự phát triển và thúc đẩy sự hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

Có thể thấy, yếu tố *truyền thống* là yếu tố có ảnh hưởng nhất tới hợp tác an ninh hàng hải trên Biển Đông. Vì vậy, luận văn sẽ tập trung nghiên cứu vấn đề *hợp tác an ninh hàng hải truyền thống* trên Biển Đông

Kết cấu của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Xác định tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông, lý giải tại sao các quốc gia có tuyên bố chủ quyền không thể nhượng bộ trong tranh chấp Biển Đông, các cường quốc muốn tăng cường ảnh hưởng tại khu vực này. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hợp tác an ninh hàng hải truyền thống tại Biển Đông, các nguy cơ đe dọa an ninh hàng hải truyền thống trên Biển Đông.

Chương 2: Đánh giá thực trạng hợp tác trong lĩnh vực an ninh hàng hải truyền thống trên Biển Đông của Việt Nam, bao gồm phân định chủ quyền, hiện đại hóa hải quân, quản lý tranh chấp.

Chương 3: Trên cơ sở dự báo các yếu tố có thể ảnh hưởng đến hợp tác và đánh giá các hướng giải quyết về an ninh hàng hải tại Biển Đông trong tương lai, đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác an ninh hàng hải truyền thống trên Biển Đông của Việt Nam.

11. Đề tài: US pivot strategy toward the Asia - Pacific and its impacts on regional security architecture

Học viên: Nguyễn Thị Ngọc Hà

Since taking the office, Obama and his Administration has begun to shift the foreign policy priority toward the Asia – Pacific by announcing the Asia-Pacific pivot strategy in November 2011. The announcement was made at the critical time when the global economic and political weight is tilting toward the Asia – Pacific, China’s growing influence in terms of economics, politics and security has triggered worries among regional countries while the US itself has been suffering domestic economic hardship. The Pivot, which has been repeatedly reframed into a “rebalancing”, a “shift”, and now also a “Pacific Dream”, aims to elevate relation between the US and regional countries and to maintain its long-established leadership position in the region during the 21st century. In addition, the strategy is said to have impacts on the regional security architecture as the whole and Vietnam in particular. Therefore, it is essential to look at how the US has been implementing its strategy and possible impacts on the regional security architecture. Apart from the Preface and Conclusion, the thesis includes three chapters as follows:

Chapter 1: Key factors leading to the US Asia – Pacific Pivot Strategy: This chapter will discuss new aspects of the strategy shift as we all know that much of the “pivot” to the Asia – Pacific is a continuation and expansion of policies already undertaken by previous administrations. This part also looks at characteristics of the Asia – Pacific region that many see as the center of American prosperity. The chapter will place focus on the region’s recent developments that have given impetus for the Obama Administration to adopt the strategy to protect its core interests and to reassure its commitments with allies.

Chapter 2: Key elements and implementation of Obama’s Asia – Pacific Pivot Strategy: The first part of this chapter discusses six key lines of actions considered to be key elements of the strategy. The second major part of this chapter focuses on the three core implementation of the Obama’s Asia-Pacific pivot strategy. First, how the U.S. plans to remain engaged with China, a rising power in the region. Second, how the U.S. strengthens its cooperation mechanisms with ten ASEAN states in the Asia-Pacific region. Third, how the U.S. realizes its intention to strengthen its partnership with Japan, the traditional ally.

Chapter 3: Impacts on regional security architecture and issues: This is the main chapter of the thesis in which the initial impacts to the regional security architecture have been presented. First, the active involvement of the US in the region’s political, economic and security issues has created particular changes to the multilateral institutions such as EAS, ARF and ADMM+. Newly emerging elements as well as development in the architecture have been observed such as the emergence of new economic institutions such as TPP, the launching Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP), the emergence of individual state, growing roles of middle and small powers, and the growing trilateral security cooperation between the US, Japan, and the Republic of Korea, as well as the US, Japan and Australia. The chapter also discusses possible scenario for the regional security architecture taking into account the territorial disputes in the resource-rich South and East China Seas, the current state of US-Sino relations. The chapter also mentions some possible impacts, both negative and positive sides, on Vietnam so that policy-makers nationwide can take for consideration for future study and guidelines.

12. Đề tài: Quan hệ Mỹ - Philippines trong vấn đề tranh chấp Biển Đông hiện nay (2009 – 2012)

Học viên: Trần Thị Kim Vinh

Mỹ và Philippines có quan hệ đồng minh thân cận. Khoảng từ cuối năm 2007, đặc biệt là từ năm 2009 đến nay, khi Trung Quốc công khai hóa yêu sách Đường lưỡi bò, tranh chấp Biển Đông nổi lên như một trong những vấn đề “thời sự” nóng bỏng nhất của khu vực. Đối với Philippines, trước một Trung Quốc hùng mạnh và ngang ngược, Mỹ luôn là một “chỗ dựa” vững chắc mà Manila muốn có được. Đối với Mỹ, từ trước tới nay Philippines vẫn luôn là một đồng minh quan trọng trong khu vực, điều này lại càng có ý nghĩa khi Mỹ triển khai chiến lược “tái can dự” châu Á - Thái Bình Dương. Về bản chất, mối quan hệ Mỹ - Philippines trong vấn đề Biển Đông từ năm 2009 đến nay, so với thời điểm trước đó, đã có sự thay đổi khi Mỹ chính thức khẳng định lợi ích quốc gia, tự do hàng hải và phản đối mọi hành động sử dụng vũ lực, lên tiếng ủng hộ các nỗ lực sử dụng công cụ pháp lý. Tuy nhiên đối với Philippines, sự hỗ trợ của Mỹ vẫn chỉ dừng lại ở mức độ hạn chế, chủ yếu là sự ủng hộ về mặt ngoại giao và hỗ trợ tăng cường năng lực quân đội và trang bị tàu chiến. Trong vấn đề tranh chấp Biển Đông giữa Philippines và Trung Quốc, giá trị và ý nghĩa của Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ - Philippines rất mơ hồ và ít giá trị. Khả năng Mỹ công khai can thiệp bằng quân sự khi Trung Quốc và Philippines xảy ra xung đột lớn vẫn còn là một câu hỏi lớn.

Mối quan hệ Mỹ - Philippines trong vấn đề Biển Đông chịu sự chi phối của nhiều nhân tố và các nhân tố đó đan xen, có tác động nhiều chiều. Mối quan hệ đó được đặt trong bối cảnh Mỹ đẩy mạnh can dự vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương, Trung Quốc thực thi chiến lược biển ngày càng quyết đoán và táo bạo, chính sách Biển Đông khá cứng rắn của Philippines và vai trò ASEAN trong vấn đề Biển Đông với tư cách là một tổ chức trung gian.

13. Đề tài: Chiều hướng chính sách đối ngoại của ĐCS Trung Quốc sau Đại hội 18

Học viên : Phạm Thanh Bình

Trong mấy thập kỷ gần đây, Trung Quốc liên tục trỗi dậy mạnh mẽ về mọi mặt và đang từng bước khẳng định vị thế của một cường quốc tầm cỡ thế giới.

Đại hội lần thứ 18 của ĐCS Trung Quốc diễn ra trong bối cảnh thế và lực của Trung Quốc đã được nâng lên một bước lớn, do vậy, đây là dịp để Trung Quốc đánh giá lại kết quả của hơn 30 năm cải cách mở cửa, từ đó đề ra hướng đi cho công cuộc phát triển của Trung Quốc trong thập kỷ tới. Những điều chỉnh chính sách của một nước lớn như Trung Quốc tất yếu sẽ có những tác động mạnh mẽ đối với tình hình thế giới và khu vực, chính vì vậy, Đại hội 18 không chỉ thu hút sự quan tâm đặc biệt của dư luận Trung Quốc mà còn cả dư luận quốc tế.

Đối với Việt Nam, Trung Quốc không chỉ là đối tác quan trọng hàng đầu mà còn là nước láng giềng kề cận, do vậy, việc theo dõi, nghiên cứu để xác định rõ những hướng đi mới trong chính sách của Trung Quốc là điều cấp thiết và có ý nghĩa rất quan trọng. Xuất phát từ nhận thức trên, tác giả đã chọn đề tài “*Chiều hướng chính sách đối ngoại của ĐCS Trung Quốc sau Đại hội 18*”, với mục tiêu, nhiệm vụ chính là phân tích cơ cấu nhân sự, các định hướng chính sách, tình hình trong, ngoài nước và các động thái của Trung Quốc sau Đại hội 18 để qua đó dự đoán về chiều hướng chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong thập kỷ tới. Đề tài cũng tập trung đánh giá sâu về những tác động, ảnh hưởng do chiều hướng chính sách đối ngoại mới của Trung Quốc gây ra đối với thế giới, khu vực và Việt Nam, từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm đảm bảo lợi ích và an ninh quốc gia của Việt Nam.

Đề tài gồm có 03 phần chính:

1. Diễn biến và kết quả của Đại hội 18 : trong đó tập trung làm rõ về quá trình chuẩn bị và thông qua các quyết định về nhân sự, đường lối của Trung Quốc ;

2. Dự báo chiều hướng chính sách đối ngoại của Trung Quốc đến năm 20120 : trong đó tập trung vào chính sách của Trung Quốc đối với các nước lớn, một số khu vực và Việt Nam ;

3. Tác động đối với thế giới, khu vực, Việt Nam và một số kiến nghị giải pháp : trong đó chủ yếu phân tích tác động trên các khía cạnh chính trị, kinh tế, an ninh, xã hội và một số kiến nghị giải pháp.

14. Đề tài: Trung Quốc và vấn đề an ninh năng lượng trong khuôn khổ Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO)

Học viên: Lê Vĩnh Hà

Sự phát triển quá nóng trong 2 thập kỷ qua đã biến Trung Quốc (TQ) từ một nước xuất khẩu thành nước nhập khẩu dầu lớn thứ 2 thế giới. Lượng dầu tiêu thụ hàng ngày của TQ tăng từ 2,12 triệu thùng năm 1990 lên 7 triệu thùng năm 2010 và ước tính 12,8 triệu thùng vào năm 2025, trong đó lượng nhập khẩu khoảng 9 triệu thùng, chiếm 70% tổng nhu cầu. Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của năng lượng đối với vấn đề phát triển kinh tế - xã hội, TQ coi đảm bảo ANNL là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược an ninh quốc gia. Để giải quyết bài toán ANNL, bên cạnh việc tăng cường khai thác, nâng cao hiệu suất sử dụng các nguồn năng lượng trong nước, TQ không ngừng mở rộng hợp tác quốc tế để tìm kiếm các nguồn cung năng lượng đa dạng và ổn định. SCO có những thành viên và quan sát viên là cường quốc xuất khẩu năng lượng như Nga, Kazakhstan, Iran.... Vì vậy, hợp tác năng lượng giữa TQ với các nước SCO có ý nghĩa quan trọng về chính trị và kinh tế. Thông qua hợp tác năng lượng, Trung Quốc đã nâng tầm ảnh hưởng và củng cố quan hệ đối tác chiến lược với các nước trong SCO.

Học viên chọn ***“Trung Quốc và vấn đề an ninh năng lượng trong khuôn khổ Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO)”*** làm đề tài luận văn tốt nghiệp với mục đích nâng cao khả năng nghiên cứu và phân tích, đánh giá một cách chính xác ý đồ chiến lược của Trung Quốc trong khuôn khổ SCO để giải quyết vấn đề ANNL nhằm phục vụ mục tiêu xây dựng CNXH “đặc sắc Trung Quốc” và nâng tầm ảnh hưởng của Trung Quốc trên trường quốc tế và khu vực. Từ đó, làm rõ hơn mục đích của Trung Quốc khi triển khai các hoạt động ngoại giao năng lượng.

15. Đề tài: Quan hệ Việt Nam – Nam Phi giai đoạn 1993 đến nay: Thực trạng và triển vọng

Học viên: Chu Lê Dung

Trong bối cảnh thế giới và xu thế toàn cầu hóa mạnh mẽ cùng với nhu cầu nội tại là mở cửa hội nhập của Việt Nam và Nam Phi, xuất phát từ những điểm tương đồng về lịch sử, điều kiện tự nhiên đã tạo nền tảng để Việt Nam – Nam Phi dễ dàng hiểu nhau, từ đó, thiết lập quan hệ ngoại giao trước nhất và tiếp đó là quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực. Nam Phi là nước phát triển nhất ở châu Phi, là cầu nối của Việt Nam đến với các nước châu Phi. Luận văn đặt mục tiêu: tìm hiểu về quá trình thiết lập mối quan hệ hai quốc gia, nhận định tính cần thiết của việc duy trì mối quan hệ đó trong tương lai, đồng thời, tạo cơ sở đề xuất các giải pháp.

Luận văn được trình bày gồm ba chương:

Chương 1: Các nhân tố tác động đến quan hệ Việt Nam - Nam Phi. Trong đó nêu lên bối cảnh thế giới thay đổi, trật tự thế giới hai cực không còn nữa, xu thế hợp tác: đối đầu chuyển sang đối thoại đồng thời quan hệ quốc tế mở rộng, hợp tác, liên kết để tạo tiền đề và trở thành nhân tố thúc đẩy các mối quan hệ song phương. Các nhân tố nội tại chi phối: *Nhân tố Việt Nam*: Trong đường lối đổi mới từ năm 1986, việc mở rộng quan hệ đối ngoại là một nhiệm vụ cần thiết được Đảng và chính phủ Việt Nam coi trọng. *Nhân tố Nam Phi*: Sau khi ANC lên nắm quyền (1993), bình thường hóa, tăng cường các quan hệ ngoại giao với cộng đồng quốc tế trong các quan hệ song phương và đa phương.

Chương 2: Thực trạng quan hệ Việt Nam – Nam Phi (1993-2012), phân tích trên tất cả mọi lĩnh vực. Quan hệ hợp tác chính trị - ngoại giao xuất phát từ đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, trước 1993 và sau 1993. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại: Mở rộng thương mại hai chiều: thông qua kim ngạch xuất – nhập khẩu, kim ngạch buôn bán một số mặt hàng chủ yếu giữa Việt Nam và Nam Phi (thông qua các số liệu, bảng biểu được trình bày trong luận văn). Quan hệ hợp tác văn hóa – xã hội. Sự phát triển nhất định, đặt dấu ấn trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục.

Chương 3: Một số nhận xét về quan hệ Việt Nam – Nam Phi và triển vọng trong thời gian tới.

Trên cơ sở nền tảng quan hệ Việt Nam – Nam Phi dưới sự tác động của các nhân tố đã trình bày ở trên quan hệ hai nước đã hình thành và ngày càng phát triển, xuất phát từ những nỗ lực nội tại của hai bên mang lại những kết quả nhất định bên cạnh những thắng lợi còn có những thách thức. Chính bởi điều đó, trong luận văn tác giả đưa ra những kiến nghị cụ thể nhằm cải thiện những khó khăn đã và đang còn tồn tại trong mối quan hệ Việt Nam – Nam Phi.

16. Đề tài: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP): Triển vọng và cơ hội đối với Việt Nam

Học viên: Phạm Thị Hồng Hải

Hiện nay, hội nhập quốc tế đã và đang trở thành vấn đề quan trọng và mang tính thiết yếu đối với tất cả các quốc gia. Xu hướng hội nhập này không có sự phân biệt đầu là nước phát triển, nước đang phát triển hay nước kém phát triển. Một trong những xu thế được nhiều nước lựa chọn để từng bước tiến tới hội nhập toàn cầu chính là hội nhập khu vực.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương hiện được đánh giá là khu vực phát triển năng động nhất thế giới với nhiều nền kinh tế phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc,... Quá trình đàm phán hội nhập nổi bật nhất khu vực châu Á - Thái Bình Dương là Đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Hiệp định TPP ra đời với mục tiêu thúc đẩy tự do hóa thương mại, tăng cường liên kết kinh tế giữa các quốc gia thành viên, kể cả những quốc gia có nền kinh tế kém phát triển như Việt Nam.

Mục đích nghiên cứu đề tài này nhằm đưa ra cái nhìn khái quát nhất về Hiệp định TPP; các vấn đề chính được đưa ra thảo luận trên bàn đàm phán trong cả lĩnh vực thương mại và phi thương mại; những thuận lợi và khó khăn, những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam; và đề xuất một số kiến nghị nhằm khắc phục phần nào những khó khăn mà Chính phủ cũng như các doanh nghiệp Việt Nam gặp phải trong quá trình đàm phán.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, luận văn gồm 03 chương:

Chương 1: Khái quát về Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Chương này chủ yếu đề cập tới sự ra đời của Hiệp định TPP vào năm 2002 và phạm vi mở rộng phạm vi năm 2010. Trong quá trình đàm phán, các nhà lãnh đạo đã đưa ra những nét chính nhằm thiết lập một hiệp định khu vực toàn diện và thể hệ mới.

Chương 2: Nội dung đàm phán của TPP được thể hiện cụ thể qua các vấn đề thông thường của một FTA cũng như những vấn đề mới được đưa vào thảo luận. Qua đó, thấy được tầm quan trọng cũng như triển vọng của TPP. Bên cạnh những nước thành viên TPP, các nước ngoài TPP, đặc biệt là Trung Quốc cũng có những ý đồ và phản ứng khác nhau trước bàn đàm phán TPP.

Chương 3: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam khi tham gia TPP nêu bật những lợi ích và bất lợi cũng như những cơ hội và thách thức mà Việt Nam gặp phải trong quá trình đàm phán. Theo đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm khắc phục những khó khăn và thách thức trong việc thực hiện những yêu cầu cao của Hiệp định TPP.

17. Đề tài: Vấn đề tranh chấp Biển Đông giữa Việt Nam – Trung Quốc từ năm 2009 đến năm 2020

Học viên: Vũ Tiến Dũng

Biển Đông là khu vực có tầm quan trọng về địa - chiến lược, an ninh, giao thông hàng hải và kinh tế đối với các nước trong khu vực CA TBD nói riêng và các quốc gia khác trên thế giới nói chung. Biển Đông hiện là đối tượng tranh chấp trực tiếp của 5 nước, 6 bên là Việt Nam, Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Brunei và Đài Loan. Trong các tranh chấp ở Biển Đông thì tranh chấp giữa VN- TQ là chủ yếu nhất và phức tạp nhất. Những năm gần đây, đặc biệt là từ năm 2009 đến nay, tình hình tranh chấp Biển Đông nói chung, tranh chấp giữa VN - TQ nói riêng có nhiều diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến sự ổn định của môi trường an ninh khu vực, quan hệ song phương VN - TQ cũng như điều kiện an ninh, phát triển của mỗi nước. Giải quyết ổn thỏa các tranh chấp ở Biển Đông là nguyện vọng và lợi ích chung của tất cả các nước, trước hết là các nước liên quan trực tiếp đến tranh chấp. Mặc dù đã có một số tiến triển nhất định, song việc tìm kiếm giải pháp cơ bản, lâu dài cho vấn đề tranh chấp Biển Đông giữa VN - TQ vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, tình hình tranh chấp vẫn tiềm ẩn nguy cơ tiếp tục diễn biến phức tạp trong thời gian tới, trước mắt là từ nay đến năm 2020.

Đối với Việt Nam, vấn đề tranh chấp Biển Đông với TQ có ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh và phát triển của đất nước. Mặc dù là một vấn đề hết sức phức tạp song việc từng bước giải quyết ổn thỏa tranh chấp Biển Đông đã ngày càng trở thành một yêu cầu cấp thiết, là một trong những ưu tiên quan trọng trong chính sách đối ngoại cũng như chiến lược phát triển đất nước trong giai đoạn từ nay đến năm 2020. Xuất phát từ ý nghĩa, tầm quan trọng to lớn và tính cấp thiết của vấn đề, luận văn thạc sĩ ***“Vấn đề tranh chấp Biển Đông giữa Việt Nam – Trung Quốc từ năm 2009 đến năm 2020”*** được thực hiện với mục tiêu góp phần làm rõ thực trạng và các nhân tố tác động đến vấn đề tranh chấp Biển Đông giữa VN - TQ, từ đó đưa ra dự báo về xu hướng diễn biến tình hình và một số kiến nghị chính sách trong xử lý vấn đề tranh chấp Biển Đông VN - TQ từ nay đến năm 2020.

Với mục tiêu nêu trên, luận văn đã giới thiệu một cách tổng quan thực trạng vấn đề tranh chấp Biển Đông giữa VN - TQ thông qua một số sự kiện quan trọng trong thời gian từ năm 2009 đến năm 2012; phân tích, đánh giá những nhân tố khách quan, chủ quan và những nhân tố khác có tác động quan trọng đối với diễn biến tình hình và tiến trình giải quyết tranh chấp. Trên cơ sở làm rõ thực trạng và các nhân tố tác động đối với vấn đề tranh chấp Biển Đông giữa VN - TQ, luận văn đưa ra dự báo về xu hướng diễn biến tình hình tranh chấp từ nay đến năm 2020 dưới dạng các kịch bản có thể xảy ra, nêu rõ những điều kiện, yếu tố cấu thành kịch bản, từ đó đánh giá khả năng, mức độ hiện thực của từng kịch bản trong khung thời gian đang xem xét.

Cuối cùng, dựa trên đánh giá đối với các kịch bản dự báo, luận văn đã nêu một số kiến nghị chính sách đối với Việt Nam trong xử lý vấn đề tranh chấp Biển Đông giữa VN - TQ giai đoạn từ nay đến năm 2020. Đây là những kiến nghị mang tính khái quát nhằm góp phần từng bước giải quyết ổn thỏa và hài hòa các yêu cầu về đảm bảo an ninh, chủ quyền quốc gia, quan hệ đối ngoại để phục vụ phát triển đất nước.

18. Đề tài : Tác động của quan hệ Việt - Trung tới quá trình giải quyết biên giới lãnh thổ giai đoạn 1949 - 2009

Học viên: Nguyễn Hoàng Hải

Bằng hai Công ước hoạch định biên giới 1887 và Công ước bổ sung Công ước hoạch định biên giới 1895 giữa Chính phủ Pháp (đại diện cho Việt Nam) và triều đình nhà Thanh (Trung Quốc), giữa Việt Nam và Trung Quốc đã có một đường biên giới quốc tế được hoạch định và phân giới, cắm mốc.

Việc hoạch định biên giới nêu trên được xúc tiến hàng trăm năm trước, với phương tiện và điều kiện không được đầy đủ, chính xác; theo thời gian, nhiều mốc đã bị hư hỏng, thậm chí bị mất; một số mốc bị xê dịch, không đúng vị trí; nhiều tài liệu gốc đã bị thất lạc. Ngoài ra, các yếu tố như: sự chuyển dịch của dân cư; những tranh chấp trên vùng biên giới đã làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến biên giới lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Sau khi hai nước Việt Nam, Trung Quốc giành được độc lập, Đảng và Chính phủ hai nước đã có nhiều trao đổi với mong muốn xác định lại vị trí chính xác của đường biên giới đã được Công ước 1887 và Công ước 1895 hoạch định và phân giới, cắm mốc.

Luận văn này tập trung nghiên cứu và phân tích mối quan hệ biện chứng giữa tình hình quan hệ hai nước Việt - Trung và quá trình giải quyết biên giới lãnh thổ giữa hai nước, cụ thể là tìm hiểu và phân tích những tác động tích cực/tiêu cực của quan hệ hai nước đến tiến độ, kết quả của việc giải quyết vấn đề biên giới lãnh thổ do lịch sử để lại giữa hai nước.

Kết quả nghiên cứu của Luận văn sẽ có đóng góp tích cực trong công tác nghiên cứu cơ bản, bổ sung vào kho tư liệu tham khảo về quá trình giải quyết biên giới lãnh thổ giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc dưới góc nhìn của quan hệ song phương. Đồng thời, đóng góp vào cơ sở dữ liệu cho sinh viên, học viên Học viện Ngoại giao khi nghiên cứu về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc cũng như tiến trình đàm phán, giải quyết vấn đề biên giới lãnh thổ giữa hai nước Việt - Trung giai đoạn 1949 - 2009.

19. Đề tài: Đông Nam Á trong chiến lược tái cân bằng của Mỹ ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương

Học viên: Đinh Thị Hồng Hạnh

Sau chiến tranh Lạnh, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nổi lên là một trung tâm phát triển kinh tế năng động, song cũng là nơi tập trung nhiều vấn đề an ninh phức tạp như có nhiều tranh chấp về lợi ích và ẩn chứa các nguy cơ xung đột tiềm tàng.

Trước bối cảnh nước Mỹ đang gặp nhiều khó khăn, chính quyền Tổng thống Obama đã và đang tiến hành những điều chỉnh tương đối lớn về chính sách đối ngoại: Cải thiện quan hệ và hình ảnh của nước Mỹ đối với thế giới; thực hiện chiến lược “tái cân bằng” tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương; chia sẻ trách nhiệm lớn hơn với các đồng minh và Đông Nam Á; coi trọng hơn vai trò, vị trí của ASEAN; tăng cường tham gia vào các cơ chế đa phương, các mối quan hệ song phương đối với các quốc gia Đông Nam Á....

Việt Nam là quốc gia nằm trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và là một thành viên tích cực của ASEAN, có vị thế địa - chính trị ngày càng nâng cao bởi sự phát triển của đất nước cũng như chính sách ngoại giao thân thiện, cởi mở và hội nhập khu vực, quốc tế. Với Việt Nam, Mỹ vừa là một đối tác quan trọng cần tranh thủ, vừa là đối tượng đấu tranh cơ bản, lâu dài; quan hệ Việt - Mỹ ngày càng được mở rộng tạo ra những cơ hội và thách thức mới đan xen trên nhiều lĩnh vực. Do vậy, việc dự đoán chiều hướng phát triển của tình hình, chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á nói riêng và Châu Á - Thái Bình Dương nói chung là vấn đề hết sức quan trọng.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, kết cấu luận văn bao gồm ba chương:

Chương 1: Cơ sở hoạch định chiến lược tái cân bằng và định vị vai trò của Đông Nam Á trong toàn bộ chiến lược. Nội dung Chương 1 trình bày khái quát cơ sở chính quyền Obama đưa ra chiến lược tái cân bằng.

Chương 2: Việc triển khai chiến lược tái cân bằng của Mỹ tại Đông Nam Á. Nội dung Chương 2 đi sâu phân tích việc triển khai chiến lược tái cân bằng của Mỹ trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, an ninh - quân sự, kinh tế - thương mại theo từng cấp độ ở khu vực Đông Nam Á.

Chương 3: Tác động của chiến lược tái cân bằng đối với khu vực Đông Nam Á, Việt Nam và triển vọng chiến lược này. Nội dung Chương 3 phân tích tác động của chiến lược đối với Đông Nam Á, Việt Nam và đưa ra những dự báo liên quan đến triển vọng của chiến lược này thời gian tới.

20. Đề tài: Quan hệ Mỹ - Nhật Bản hai thập niên đầu thế kỷ XXI

Học viên: Đinh Hồng Tranh

Thế kỷ XXI được đánh giá là một thế kỷ sôi động trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị và đời sống xã hội tại nhiều khu vực trên thế giới, đặc biệt là khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, trong đó khu vực Đông Nam Á là khu vực năng động ngày càng đóng vai trò tích cực trên trường quốc tế. Tại khu vực Đông Nam Á, Mỹ và Nhật Bản là hai chủ thể quan trọng có sức ảnh hưởng lớn, thậm chí liên minh an ninh này đang vươn tầm ảnh hưởng của mình sang cả những khu vực khác thông qua sức mạnh cứng và sức mạnh mềm.

Quan hệ giữa Mỹ và Nhật Bản đã trở thành đề tài thu hút sự quan tâm của tác giả vì những lý do sau: Một là, quan hệ Mỹ - Nhật Bản thể hiện rõ nét tất cả các mặt hợp tác và cạnh tranh trong quan hệ nước lớn; Hai là, quan hệ này còn liên quan tới Trung Quốc – một nước lớn tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương; Ba là, quan hệ này đóng vai trò quan trọng trong định hình trật tự thế giới mới. Việc phân tích, nghiên cứu mối quan hệ giữa các nước lớn góp phần giải quyết nhiều vấn đề trong quan hệ quốc tế, dự đoán được chiều hướng phát triển của quan hệ quốc tế trong tương lai, đồng thời cũng là cơ sở để hoạch định chính sách đối ngoại cho mỗi quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng.

Đề tài “**Quan hệ Mỹ - Nhật Bản hai thập niên đầu thế kỷ XXI**” phân tích làm rõ thực trạng quan hệ hai nước lớn trên hai lĩnh vực cụ thể là chính trị và kinh tế trong giai đoạn 2001 – 2012. Đề tài cũng phân tích, đánh giá vai trò của cặp quan hệ đối với môi trường an ninh của Đông Nam Á - một khu vực sôi động và tồn tại không ít thách thức hiện nay. Bên cạnh đó, đề tài đưa ra dự báo triển vọng phát triển của cặp quan hệ đến năm 2020 từ đó đề xuất chính sách đối ngoại cho Việt Nam trong bối cảnh quan hệ Mỹ - Nhật Bản cũng như trong quan hệ với các nước lớn.

21. Đề tài: Putin với chính sách đối ngoại của Liên bang Nga đầu thế kỷ XXI

Học viên: Đoàn Thúy Nga

I. Khái quát chính sách đối ngoại của Nga trước khi Putin lên nắm quyền

1. Bối cảnh quốc tế: Kết thúc chiến tranh lạnh, Mỹ tự coi thế giới là thế giới đơn cực. Các quốc gia chuyển hướng nhanh sang tập trung phát triển kinh tế và phát triển quan hệ kinh tế. Tuy nhiên, thế giới vẫn tồn tại những nguy cơ gây mất ổn định: chủ nghĩa khủng bố, sự tranh giành tài nguyên, lãnh thổ, sự bùng nổ của các tổ chức tôn giáo cực đoan và li khai dân tộc

2. Nước Nga: Liên bang Nga với tiềm lực kinh tế chính trị ngày càng suy yếu vẫn đang loay hoay trong việc tự định vị mình là cường quốc thế giới hay cường quốc khu vực; là quốc gia châu Âu – phương Tây hay Á – Âu nghiêng về phương Đông.

3. Chính sách đối ngoại của Nga dưới thời Tổng thống Enxin: Từ “Chính sách đối ngoại định hướng Đại Tây Dương” điều chỉnh sang “định hướng Âu – Á”.

II. Chính sách đối ngoại của Nga dưới thời tổng thống Putin

Putin xây dựng đường lối đối ngoại mang tính thực dụng cao. Điều chỉnh chiến lược ngoại giao từ “hướng Tây” sang chiến lược đối ngoại cân bằng, độc lập, tự chủ và đa phương hoá các quan hệ.

III. Một số nhận xét về việc triển khai chính sách đối ngoại dưới thời Putin

1. Thành tựu: Củng cố về chính trị đối ngoại, vươn lên về kinh tế và quân sự

2. Thách thức: Nền kinh tế Nga chưa phát triển bền vững, khả năng cạnh tranh của các ngành sản xuất trong nước chưa cao, môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thuận lợi, lạm phát vẫn chưa được khống chế thực sự, nguồn thu ngân sách phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu nguyên, nhiên liệu.

3. Dự đoán chính sách đối ngoại của Nga trong thời gian tới: Về cơ bản sẽ không có thay đổi lớn. Chấn hưng nước Nga trở lại vị thế cường quốc thế giới vẫn là mục tiêu xuyên suốt.

IV. Tác động đến mối quan hệ với Việt Nam

Quan hệ, hợp tác với Việt Nam giúp Nga thâm nhập được vào thị trường các nước ASEAN, tận dụng được lợi thế về mặt hậu cần của hệ thống cảng biển Việt Nam, khôi phục và mở rộng sức mạnh tại khu vực.

Quan hệ với Nga giúp Việt Nam tranh thủ thiết bị kỹ thuật của Nga để phục vụ cho công nghiệp hóa và hiện đại hóa và cân bằng quan hệ ngoại giao với các nước lớn trên thế giới

V. Kết luận

Điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của Nga đó là việc triển khai chính sách đối ngoại chủ động, linh hoạt, tích cực và độc lập theo hướng đa dạng hóa nhằm thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là lợi ích kinh tế, đảm bảo an ninh, toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường vị thế nước Nga trên trường quốc tế.

22. Đề tài: Quan hệ biên giới Việt –Trung: Trường hợp quan hệ Hà Giang – Vân Nam từ năm 2000 đến nay

Học viên: Lý Thị Lan

Nói về quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, thì mỗi quan hệ này đã trải qua những bước thăng trầm của lịch sử, lúc ấm, lúc lạnh, thường tác động trực tiếp đến sự ổn định và phát triển của mỗi nước cũng như khu vực. Đối với Việt Nam, mỗi quan hệ với Trung Quốc - nước láng giềng lớn nhất "núi liền núi, sông liền sông" - là một trong những ưu tiên hàng đầu. Trong quan hệ với Trung Quốc, vấn đề biên giới, lãnh thổ luôn là vấn đề tối quan trọng, trong đó vấn đề biên giới lãnh thổ trên đất liền mang nhiều yếu tố phức tạp, nhạy cảm và có tác động lớn hơn cả đến đời sống xã hội của đất nước.

Mục đích nghiên cứu của đề tài này nhằm làm rõ mối quan hệ của hai địa phương ở biên giới trong tổng thể mối quan hệ biên giới Việt Nam –Trung Quốc trong những năm đầu thế kỷ XXI; Phân tích chỉ rõ vai trò, tầm quan trọng của quan hệ địa phương biên giới trong tổng thể mối quan hệ hai nước; dự báo triển vọng và đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường quan hệ hợp tác giữa tỉnh Hà Giang và tỉnh Vân Nam, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới, bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam trong tình hình mới

Ngoài phần lời nói đầu và kết luận, bố cục luận văn gồm 3 chương: **Chương 1**, tập trung phân tích những nhân tố chủ yếu tác động đến quan hệ biên giới đất liền Việt –Trung và khái quát quá trình phát triển quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, nhất là quan hệ giữa các tỉnh có đường biên giới trên bộ từ sau khi hai nước bình thường hoá quan hệ đến nay; **Chương 2**, phân tích làm rõ thực trạng quan hệ Hà Giang - Vân Nam từ năm 2000 đến nay, với những thành tựu, hạn chế và vấn đề đặt ra trong mối quan hệ này. **Chương 3**, dự báo chiều hướng phát triển quan hệ biên giới Việt Nam –Trung Quốc nói chung, Hà Giang – Vân Nam nói riêng; đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường quan hệ hợp tác của Hà Giang với Vân Nam sao cho hiệu quả hơn trong xu thế phát triển của hai nước.

Quan hệ biên giới Việt - Trung phát triển tốt đẹp không những đáp ứng được lợi ích cơ bản lâu dài của nhân dân hai bên biên giới. Vì vậy hai bên cần phải coi trọng đúng mức những nhân tố thuận lợi và có nhận thức đúng đắn những hạn chế cũng như nguyên nhân của những hạn chế đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển quan hệ Việt -Trung. Tỉnh Hà Giang với tỉnh Vân Nam là hai địa phương biên giới nằm trong tổng thể mối quan hệ biên giới Việt –Trung, vì vậy cần phát huy lợi thế địa - chính trị, kinh tế, văn hóa của địa phương để cùng nhau mở rộng hợp tác phát triển trên mọi lĩnh vực, cùng duy trì hòa bình, ổn định tại khu vực biên giới hai nước Việt Nam –Trung Quốc, góp phần thiết thực vào việc củng cố và phát triển mối quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam –Trung Quốc.

23. Đề tài: Chính sách đối ngoại của chính quyền Thủ tướng Tony Blair

Học viên: Hoàng Thị Ái

Tony Blair trở thành Thủ tướng Anh năm 1997, ông được xem là vị Thủ tướng trẻ tuổi nhất nước Anh trong thế kỷ XX, là Thủ tướng lâu năm nhất của Đảng Lao động và là người duy nhất dẫn dắt đảng này chiến thắng ba cuộc tổng tuyển cử kế nhau. Trong 10 năm cầm quyền (1997 – 2007), ông đã để lại dấu ấn đậm nét trong lịch sử nước Anh và thế giới. Trong đó, có cả những thành công và thất bại, nhưng quan trọng hơn cả là nước Anh, sau thời kỳ Thủ tướng Tony Blair đã có một sức ảnh hưởng lớn trong khu vực cũng như trên thế giới.

Nghiên cứu “**Chính sách đối ngoại chính quyền Thủ tướng Tony Blair**” để có một cách nhìn tương đối toàn diện về chính sách đối ngoại Anh giai đoạn 1997 - 2007. Từ đó luận văn xin đóng góp một phần thông tin cho những ai quan tâm tới quốc gia này.

Luận văn được bố cục thành 3 chương, không kể phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo:

Chương 1: Cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại của Anh dưới thời Thủ tướng Tony Blair: Chương này sẽ khái quát những nhân tố tác động chính sách đối ngoại Anh thời kỳ Thủ tướng Tony Blair.

Chương 2: Nội dung chính sách đối ngoại Anh thời kỳ Thủ tướng Tony Blair cầm quyền: Chương này tập trung phân tích nội dung chính sách đối ngoại Anh giai đoạn 1997 – 2007. Trong đó, tác giả tập trung phân tích ba yếu tố cơ bản gồm: “Chính sách ngoại giao can thiệp”; Mối quan hệ “đặc biệt giữa Vương quốc Anh – Hoa Kỳ” và Quan hệ Vương Quốc Anh – Liên minh Châu Âu (EU).

Chương 3: So sánh chính sách đối ngoại của Tony Blair với các đời Thủ tướng, Quan hệ Việt – Anh và một số kiến nghị nhằm thúc đẩy mối quan hệ này: Chương 3 phân tích khái quát quá trình triển khai chính sách đối ngoại của những đời Thủ tướng tiền nhiệm và kế nhiệm Thủ tướng Tony Blair, qua đó thấy được sự khác biệt trong chính sách đối ngoại của nước Anh qua từng thời kỳ Thủ tướng. Bên cạnh đó, tác giả phân tích mối quan hệ Việt Nam – Vương quốc Anh. Trên cơ sở đó, dự báo triển vọng và đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy mối quan hệ này trong thời gian tới.

24. Đề tài : Chính sách của Mỹ đối với Mianma dưới thời Tổng thống B. Obama

Học viên: Nguyễn Diệu Linh

Tính cấp thiết của đề tài : Mỗi sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với bất kể một quốc gia nào trên thế giới đều thu hút sự quan tâm đặc biệt của các nước khác vì những tác động của sự điều chỉnh đó đến tình hình an ninh khu vực nói chung và trong quan hệ với các nước khác nói riêng.

Trước những cải cách dân chủ mạnh mẽ và những tiến bộ mà Myanmar đã đạt được từ đầu năm 2011 đến nay, Mỹ đã tuyên bố điều chỉnh chính sách đối với nước này. Các cuộc viếng thăm Myanmar của các quan chức cấp cao Mỹ liên tục diễn ra trong những năm gần đây mà nổi bật nhất là chuyến thăm Myanmar của Tổng thống Mỹ B.Obama tháng 11/2012 là biểu hiện sự ủng hộ mạnh mẽ của Mỹ đối với công cuộc cải cách của Myanmar. Việc điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với Myanmar cũng là một phần trong kế hoạch quay trở lại châu Á được Mỹ tuyên bố vào tháng 11/2011.

Nghiên cứu chính sách của Mỹ đối với Myanmar dưới thời Tổng thống B.Obama, trong bối cảnh Mỹ đang điều chỉnh chính sách chuyển hướng can dự mạnh mẽ vào châu Á và những thay đổi đang diễn ra trong quan hệ Mỹ-Myanmar, sẽ phân tích chính xác hơn, hiểu rõ hơn về thực trạng quan hệ hai nước, từ đó sẽ rút ra được những đánh giá, nhận xét chính xác hơn, dự báo gần hơn về triển vọng phát triển mối quan hệ này trong tương lai, điều mà các nước trong khu vực ASEAN nói riêng và các nước trên thế giới nói chung đang rất quan tâm.

Cũng là một nước Đông Nam Á, Việt Nam có nhiều nét tương đồng với Myanmar về địa lý, về lịch sử phát triển, kinh tế và văn hóa. Việc Mỹ điều chỉnh chính sách đối với Myanmar có nhiều tác động đến các nước trong khu vực, nhất là với Việt Nam. Nghiên cứu những biến động đang diễn ra mạnh mẽ trong cuộc cải cách dân chủ tại Myanmar và những thay đổi trong chính sách của Mỹ đối với Myanmar sẽ là việc làm cần thiết để Việt Nam điều chỉnh chính sách của mình cho phù hợp với tình hình mới. Hy vọng luận văn sẽ đóng góp một phần như tài liệu tham khảo cho những nhà nghiên cứu về vấn đề này.

Luận văn bao gồm 03 chương:

- Chương 1 : Cơ sở hình thành chính sách đối với Myanmar của chính quyền Obama
- Chương 2 : Nội dung cơ bản của chính sách và những đánh giá các bước triển khai đầu tiên (2011 - 2013)
- Chương 3 : Khả năng điều chỉnh chính sách Mỹ đối với Myanmar thời hậu Obama

25. Đề tài: Chính sách của Mỹ đối với Trung Đông thời kỳ sau Chiến tranh lạnh

Học viên: Tạ Anh Tuấn

Sau Chiến tranh Lạnh, do tình hình Quốc tế và trong nội bộ nước Mỹ có những thay đổi to lớn, điều đó tạo nên những cơ hội và thách thức mới cho nước Mỹ. Mỹ với tư cách là siêu cường duy nhất trên thế giới, đã đưa ra chiến lược toàn cầu mới, trong đó trọng điểm chiến lược được giải quyết ở các khu vực. Trung Đông với vị trí chiến lược quan trọng được chọn làm “đột phá khẩu” để thực hiện chiến lược đó.

Hiện nay, vấn đề Trung Đông là tiêu điểm của thế giới và được xã hội hết sức quan tâm, quan hệ giữa Mỹ và Trung Đông cùng chính sách của Mỹ đối với Trung Đông lại là một trong những nội dung then chốt của vấn đề đó. Chiều hướng phát triển chính sách Trung Đông của Mỹ ảnh hưởng trực tiếp đến đường hướng của vấn đề Trung Đông. Việc triển khai và điều chỉnh chính sách đối với Trung Đông luôn là những thách thức đối với Mỹ.

Do vậy, đề tài được chọn sẽ đi sâu vào việc phân tích, làm rõ chính sách của Mỹ đối với Trung Đông thời kỳ từ sau Chiến tranh Lạnh tới năm 2013 và một số dự báo có thể xảy ra.

Đề tài có 3 phần chính:

1. Cơ sở hình thành và các nhân tố tác động đến chính sách của Mỹ với Trung Đông: trong đó tập trung phân tích các nhân tố chính làm cơ sở hình thành chính sách của Mỹ tại khu vực.

2. Chính sách Trung Đông của Mỹ thời kỳ chiến tranh Lạnh kết thúc từ 1991 tới năm 2013: đi sâu phân tích chính sách của Mỹ đối với Trung Đông.

3. Dự báo chính sách Trung Đông của Mỹ trong những năm nhiệm kỳ 2 của Tổng thống Obama: trên cơ sở phân tích chiến lược toàn cầu của Mỹ để đưa ra dự báo có thể xảy ra.

26. Đề tài: Sự điều chỉnh chiến lược an ninh Châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ từ sau chính quyền Clinton đến năm 2012

Học viên: Dương Thị Thơ

Vị trí Châu Á – Thái Bình Dương ngày càng trở nên quan trọng trong chiến lược an ninh của Mỹ. Châu Á – Thái Bình Dương được đánh giá là khu vực có nền kinh tế phát triển năng động, đây còn là nơi tập trung nhiều thách thức an ninh đối với Mỹ, đặc biệt sự trỗi dậy của Trung Quốc cả về thực lực kinh tế và quân sự đã trở thành một quan ngại an ninh dài hạn bởi khả năng nước này thách thức vị trí siêu cường và vai trò lãnh đạo của Mỹ trong tương lai. Điều này khiến cho lợi ích của Mỹ ngày càng trở nên gắn bó với khu vực. Do đó, Mỹ đã có sự điều chỉnh chiến lược dưới các thời tổng thống Bush và Obama cho phù hợp và đảm bảo mục tiêu xuyên suốt là duy trì vị trí bá quyền tại khu vực

Việc nghiên cứu đề tài **“Sự điều chỉnh chiến lược an ninh Châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ từ sau chính quyền Clinton đến năm 2012”** không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận và khoa học mà còn mang tính thực tiễn sâu sắc. Việc nghiên cứu sẽ góp phần vào công tác nghiên cứu về chiến lược an ninh của Mỹ, có cái nhìn tổng thể về chiến lược an ninh của Mỹ và các tác động đến khu vực và Việt Nam trong bối cảnh tình hình mới.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia thành 03 chương:

Chương 1: Chiến lược an ninh của Mỹ đối với khu vực Châu Á – Thái Bình Dương từ sau Chiến tranh lạnh đến 2001.

Chương 2: Sự điều chỉnh chiến lược an ninh Châu Á – Thái Bình Dương của chính quyền Bush và Obama.

Chương 3: Tác động của sự điều chỉnh chiến lược an ninh Châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ từ 2001 – 2012 đối với khu vực và Việt Nam.

27. Đề tài: An ninh lương thực khu vực châu Á – Thái Bình Dương từ năm 2001 đến nay và những tác động đối với Việt Nam

Học viên: Nguyễn Thị Phương Linh

An ninh lương thực là vấn đề sống còn đối với nhân loại, đặc biệt đối với khu vực Châu Á - Thái Bình Dương – châu lục chiếm tới 65% số người nghèo đói trên thế giới, vì vậy việc đảm bảo an ninh lương thực bền vững là một nhiệm vụ vô cùng cấp thiết. Việt Nam cũng là một nước nằm trong khu vực này, vì vậy Việt Nam cũng chịu tác động không nhỏ với những biến đổi về lương thực trong khu vực.

Mục đích nghiên cứu đề tài này là nhằm làm rõ thực trạng về an ninh lương thực của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương từ năm 2001 đến nay; làm rõ khái niệm nội hàm “an ninh lương thực”; phân tích các giải pháp tổng thể có ý nghĩa trong việc đảm bảo sự bền vững của vấn đề an ninh lương thực trong khu vực nói chung và Việt Nam nói riêng.

Ngoài phần lời mở đầu và kết luận, bố cục luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: tập trung làm rõ khái niệm an ninh lương thực và phân tích những thách thức nổi cộm đe dọa tình hình an ninh lương thực khu vực Châu Á – Thái Bình Dương từ năm 2001 đến nay;

Chương 2: tổng hợp lại các giải pháp thiết thực hữu ích cho việc giải quyết những khó khăn đang diễn ra với nền lương thực khu vực Châu Á – Thái Bình Dương nói chung và Việt Nam nói riêng;

Chương 3: đưa ra những nhìn nhận mới về mối tương quan mật thiết giữa an ninh lương thực – an ninh nguồn nước – an ninh năng lượng đồng thời đưa ra những dự đoán cho nguồn lương thực thay thế trong tương lai khi mà nguồn lương thực chính đang cạn kiệt.

Có thể nói an ninh lương thực là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với không chỉ khu vực Châu Á – Thái Bình Dương nói chung mà còn cả Việt Nam nói riêng; nhiều chính khách đã bắt đầu đặt vấn đề an ninh lương thực ngang bằng với an ninh quốc gia. Khủng hoảng an ninh lương thực không chỉ bị đe dọa bởi sự thiếu lương thực mà đôi khi còn là vấn đề khủng hoảng thừa hoặc nguồn dinh dưỡng không được đảm bảo. Chính vì vậy, mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực không chỉ đặt ra trong 20-30 năm mà phải là 100 - 200 năm hoặc lâu hơn nữa, vấn đề quan trọng nhất đó là đảm bảo được một nền “*an ninh lương thực bền vững*” cho con cháu chúng ta và các thế hệ mai sau.

28. Đề tài: Cạnh tranh ảnh hưởng Trung Quốc - Ấn Độ ở khu vực Đông Nam Á trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI

Học viên: Lê Mai Phượng

Đông Nam Á là địa bàn chiến lược cực kỳ quan trọng không chỉ về an ninh quốc phòng mà còn cả về kinh tế nên địa bàn này luôn được các nước lớn cạnh tranh để giành quyền chi phối và kiểm soát, mà Trung Quốc và Ấn Độ không phải là ngoại lệ. Trung Quốc với sự trỗi dậy của mình đã ngày càng gia tăng ảnh hưởng mạnh mẽ tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng khiến người ta liên tưởng tới một Liên Xô trong trật tự hai cực Yalta. Tuy nhiên nước láng giềng Ấn Độ trong nhiều năm trở lại đây, với sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, đặc biệt là công nghệ thông tin, Ấn Độ đang tạo thế và lực mới trong khu vực và trên thế giới, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong đó có ASEAN. Sự trỗi dậy của Trung Quốc và những bước chuyển mình đột phá đầy ấn tượng của Ấn Độ đã tạo nên một trong những đặc điểm nổi bật của bức tranh chính trị và quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á thập niên đầu thế kỷ XXI là sự gia tăng cạnh tranh giữa các nước lớn. Cùng với ảnh hưởng của Nga và Ấn Độ ngày càng tăng, thì bên cạnh sự cạnh tranh giữa Trung Quốc với Mỹ, Trung Quốc với Nhật Bản, xu hướng cạnh tranh giữa Trung Quốc và Ấn Độ cũng được tăng cường cả về cấp độ cũng như quy mô, khiến cho trật tự khu vực và tương tác quyền lực của các nước ở khu vực Đông Nam Á ngày càng biến động phức tạp.

Luận văn đã dành một phần dung lượng để đề cập một cách khái quát những nhân tố thúc đẩy cạnh tranh ảnh hưởng Trung Quốc – Ấn Độ ở khu vực Đông Nam Á, khu vực có địa chiến lược hết sức thuận lợi và những lợi ích vô cùng quý giá mà Trung Quốc và Ấn Độ tìm thấy ở nơi đây cho sự phát triển trong hiện tại và tương lai. Luận văn chú trọng diễn biến của quá trình cạnh tranh ảnh hưởng Trung - Ấn, đặc biệt là trong thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI (2000-2010), trong đó phân tích những mục tiêu từ dài hạn, ngắn hạn, cơ sở hoạch định chính sách, đến những công cụ của Trung Quốc và Ấn Độ đã đang và sẽ sử dụng trong chiến lược tranh giành ảnh hưởng ở khu vực Đông Nam Á. Luận văn cũng cung cấp những dẫn chứng cụ thể, xác thực và một số kết quả của quá trình cạnh tranh ảnh hưởng Trung - Ấn trên các lĩnh vực chủ yếu như ngoại giao, kinh tế, quân sự. Bên cạnh đó luận văn cũng phân tích những tác động và quan điểm của các quốc gia Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng trước sự cạnh tranh này, và dự báo xu hướng phát triển của cạnh tranh Trung Quốc – Ấn Độ trong 5 đến 10 năm tới.

29. Đề tài: Chính sách đối ngoại của Pháp dưới thời Tổng thống Nicolas Sarkozy

Học viên: Nguyễn Tuấn Anh

Dưới thời Tổng thống Nicolas Sarkozy, nước Pháp muốn khôi phục lại ảnh hưởng và vị thế của mình trên trường quốc tế. Tổng thống Sarkozy đã theo đuổi một cuộc cách mạng trong chính sách đối ngoại so với các đồng nhiệm trước đây. Nước Pháp dưới thời Sarkozy toát lên một hình ảnh thân thiện và xích lại gần hơn với Mỹ. Ngoài ra cùng với Đức, Cộng hòa Pháp đã hợp thành bộ đôi quyền lực quan trọng nhất, có ảnh hưởng lớn nhất, có vai trò đầu tàu đến mọi chính sách của Liên minh châu Âu.

Tư tưởng xuyên suốt và chi phối chính sách đối ngoại của Pháp là *mục tiêu khôi phục địa vị và uy danh của nước Pháp*. Dù trong bất cứ thời điểm nào, hoàn cảnh nào, mục tiêu chính sách này cũng không thay đổi, nó định hình nên các bước đi đối ngoại tiếp theo của Cộng hòa Pháp. Nguyên tắc đối ngoại cơ bản của Pháp vẫn là: *độc lập tự chủ, đoàn kết và quảng bá những giá trị văn hóa, văn minh Pháp trên trường quốc tế*.

Tổng thống Sarkozy đã thành công cơ bản trong việc củng cố vai trò nòng cốt tại EU, hòa giải với Mỹ, duy trì quan hệ cân bằng với Nga, nâng cao ảnh hưởng tại Trung Đông và khẳng định vị trí chủ chốt trong các tổ chức quốc tế như NATO, G20.

Về đối ngoại, điểm lại 05 năm cầm quyền, Tổng thống Sarkozy đã triển khai khá thành công chính sách đối ngoại ảnh hưởng nhằm khôi phục lại vai trò và vị thế của Pháp tại châu Âu và trên thế giới với các hoạt động ngoại giao hết sức sôi động, được đánh dấu bởi nhiều sáng kiến và phong cách mới phù hợp với bối cảnh thế giới.

Quan hệ Pháp - Việt ngày càng phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Pháp đã hỗ trợ Việt Nam rất nhiều về mặt kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam trong quá trình hội nhập với thế giới và khu vực. Việt Nam và Pháp cũng đang chuẩn bị nâng cấp quan hệ hai nước thành đối tác chiến lược, nhân dịp kỷ niệm 40 năm quan hệ ngoại giao.

30. Đề tài: Quan hệ Lào – Việt Nam từ năm 1986 đến nay

Học viên: Thong sivilay

Bước vào năm 1986, Lào và Việt Nam đều tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, thực hiện chính sách mở cửa, mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập với thị trường thế giới và khu vực, tiếp tục công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, nhằm đưa hai nước vượt qua cuộc khủng hoảng. Như vậy, sự nghiệp đổi mới toàn diện ở hai nước không chỉ nhằm từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hoá, xây dựng cuộc sống hạnh phúc cho nhân dân hai nước, mà còn dần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển giữa hai nước với các nước trong khu vực và trên thế giới. Đây là lý do chính đưa tác giả tới sự lựa chọn đề tài: **“Quan hệ Lào – Việt từ năm 1986 đến nay”** để viết luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế.

Nghiên cứu đề tài nhằm thấy được quan hệ gắn bó, tốt đẹp giữa hai nước Lào và Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Nghiên cứu đề tài để đưa ra những khuyến nghị, góp phần thúc đẩy quan hệ Lào – Việt Nam ngày càng tốt hơn trong thời gian tới.

Phân tích các nhân tố cơ bản tác động đến quan hệ giữa Lào và Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Nghiên cứu thực trạng quan hệ Lào – Việt trên các lĩnh vực an ninh, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, đánh giá một cách tổng thể quan hệ của Lào – Việt từ năm 1986 đến nay. Đưa ra dự báo, triển vọng quan hệ hai nước trong bối cảnh khu vực, thế giới xuất hiện nhiều vấn đề mới.

Luận văn ngoài Mở đầu và Kết luận, gồm có 3 chương:

Chương 1: Những nhân tố cơ bản tác động đến quan hệ Lào – Việt: Trong phần này tác giả trình bày cơ sở hình thành mối quan hệ Lào – Việt, đó là các yếu tố về vị trí địa lý, văn hóa, lịch sử, xã hội hai nước. Ngoài ra còn có các yếu tố về tình hình thế giới, khu vực và chính sách đối ngoại của hai nước đối với nhau sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới mối quan hệ Lào – Việt.

Chương 2: Thực trạng quan hệ Lào - Việt từ năm 1986 đến năm 2012: Đây là phần nội dung chính của luận văn, trong chương này tác giả đề cập tới mối quan hệ về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế và an ninh quốc phòng của Lào và Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2012

Chương 3: Triển vọng và một số khuyến nghị thúc đẩy mối quan hệ Lào - Việt từ năm 2012 đến năm 2020: Trên cơ sở phân tích chương 1 và chương 2, chương này tác giả đưa ra những dự báo về tình hình thế giới và khu vực cũng như mối quan hệ Lào – Việt những năm tới. Qua đó tác giả đưa ra một số những khuyến nghị nhằm thúc đẩy mối quan hệ giữa hai nước trong tương lai.

Ngày nay, trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, vừa thuận lợi, vừa đan xen những khó khăn, thách thức; quan hệ hợp tác toàn diện Việt nam Lào luôn là sự nghiệp chung của hai đảng, hai nhà nước, hai quân đội và nhân dân hai nước. Với quan hệ truyền thống hữu nghị và tình đoàn kết đặc biệt vốn có, cùng với những kinh nghiệm của chặng đường quan hệ gần 80 năm qua, quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam-Lào sẽ phát huy được hiệu quả và khắc phục được những khó khăn, từng bước thực hiện thành công sự nghiệp CNH - HĐH, nhằm xây dựng chế độ xã hội công bằng, dân chủ và văn minh trên phạm vi cả hai nước.

31. Đề tài: Vai trò của quan hệ đối ngoại Quốc hội đối với sự phát triển của quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay

Học viên: Trần Kim Chi

Quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ kể từ khi bình thường hoá năm 1995 đến nay đã phát triển trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, chính trị, quốc phòng an ninh, văn hoá, giáo dục... Trong sự phát triển chung của quan hệ song phương đó, quan hệ đối ngoại với quốc hội Hoa Kỳ có ý nghĩa rất quan trọng.

Nhằm làm rõ tác động của Quốc hội, quan hệ giữa hai Quốc hội đối với sự phát triển quan hệ song phương Việt Nam – Hoa Kỳ và đánh giá triển vọng phát triển của quan hệ Quốc hội Việt Nam và Hoa Kỳ, phục vụ công tác nghiên cứu và tham mưu tại Quốc hội.

Luận văn kết cấu gồm ba chương:

Chương 1: Khái quát lịch sử quan hệ Quốc hội Việt Nam - Hoa Kỳ: Chương này là chương lý luận, giới thiệu khái quát về Quốc hội Việt Nam, Hoa Kỳ, vị trí pháp lý của quốc hội trong hệ thống chính trị mỗi nước, mối quan hệ giữa Quốc hội với các vấn đề đối ngoại. Ngoài ra, chương 1 cũng dành một phần khái quát lịch sử quan hệ hai Quốc hội Việt Nam – Hoa Kỳ từ sau khi kết thúc chiến tranh Việt Nam đến kết thúc Chiến tranh lạnh.

Chương 2: Thực trạng quan hệ đối ngoại của Quốc hội Việt Nam và Quốc hội Hoa Kỳ từ 1991 đến nay: Chương này đề cập tới cơ sở quan hệ (nhân tố bên trong, ngoài) bối cảnh thế giới và khu vực. Thực trạng quan hệ giữa hai Quốc hội được phân tích theo thời gian, chia hai giai đoạn. Giai đoạn từ 1991 – 1995 (dấu mốc hai nước chính thức bình thường hoá quan hệ) và giai đoạn từ 1995 đến nay.

Chương 3: Triển vọng quan hệ Quốc hội Việt Nam-Hoa Kỳ: Nêu một số nhận xét, đánh giá về các nhân tố như bối cảnh, mục tiêu, chính sách của hai nước, dự kiến kịch bản phát triển; đề xuất chính sách và một số biện pháp thúc đẩy vận động Quốc hội Hoa Kỳ.

Quốc hội Việt Nam và Hoa Kỳ đều đóng vai trò quan trọng trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại của mỗi nước. Do đó, quan hệ đối ngoại giữa hai Quốc hội tác động không nhỏ đến quá trình phát triển của quan hệ ngoại giao Việt Nam – Hoa Kỳ. Cùng những thăng trầm của lịch sử, quan hệ hai nước ảnh hưởng rất nhiều của các nhân tố chủ quan và khách quan. Điều quan trọng chính là sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau.

Nghiên cứu về Quốc hội Hoa Kỳ giúp hoạch định chiến lược đối ngoại của Quốc hội Việt Nam, tranh thủ mối tương tác đó để đạt được tốt hơn các lợi ích của mình trong quan hệ với Hoa Kỳ.

32. Đề tài: Hợp tác phát triển lưu vực sông Mê Kông trong quan hệ Việt – Lào

Học viên: Vilayvone Bouatongmoua

Trong những năm gần đây, xu thế hợp tác, phát triển và hội nhập trở thành xu thế chủ đạo, thúc đẩy hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông. Liên kết, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, nguồn nước là những “động lực” thôi thúc các nước trong lưu vực sông Mê Kông tìm kiếm cơ chế hợp tác song phương và đa phương. Trong bối cảnh đó, hai nước anh em Việt - Lào cần tăng cường mối quan hệ hợp tác nhằm thúc đẩy nền kinh phát triển và nâng cao vai trò và vị thế của mỗi nước trong khu vực. Với lý do đó em đã chọn đề tài: **“Hợp tác phát triển lưu vực sông Mê Kông trong quan hệ Việt – Lào”** làm luận văn tốt nghiệp của mình.

Mục đích của luận văn:

- Khẳng định vai trò và tầm quan trọng của việc tăng cường mối quan hệ hợp tác và phát triển của các nước tiểu vùng sông Mê Kông trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế của từng nước và trong khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn hiện nay.

- Cơ sở hình thành mối quan hệ đặc biệt hai nước Việt – Lào. Quá trình hợp tác phát triển của hai nước trong quá trình hợp tác phát triển lưu vực Sông Mê Kông. Trên cơ sở đó đánh giá những thành công, hạn chế và dự báo khả năng hợp tác tương lai trong quan hệ hợp tác đặc biệt giữa hai nước Việt - Lào với các nước tiểu vùng Sông Mê Kông (GMS) hiện tại và tương lai.

Ngoài Mở đầu và Kết luận, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Quan hệ hợp tác phát triển giữa các nước tiểu vùng Sông Mê Kông: tập trung nghiên cứu các cơ sở hình thành hợp tác tiểu vùng Sông Mê Kông, các yếu tố tác động tới sự hợp tác của các nước tiểu vùng. Bên cạnh đó, chương này cũng trình bày quá trình hợp tác của các nước tiểu vùng Sông Mê Kông từ khi thành lập cho tới nay.

Chương 2: Quan hệ Việt - Lào trong hợp tác phát triển lưu vực Sông Mê Kông. Chương này nghiên cứu những nét tương đồng về tự nhiên, văn hóa - xã hội tạo nên nền tảng quan hệ sâu sắc giữa hai nước Việt - Lào. Đó là cơ sở, là động lực thúc đẩy quan hệ hợp tác của hai nước Việt - Lào với các nước thuộc lưu vực Sông Mê Kông trên tất cả các lĩnh vực chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa, giáo dục.

Chương 3: Triển vọng hợp tác phát triển lưu vực Sông Mê Kông trong quan hệ Việt - Lào hiện tại và tương lai. Chương này tập trung nghiên cứu mối quan hệ hợp tác giữa hai nước Việt - Lào hiện tại và dự báo khả năng hợp tác giữa các nước trong hợp tác phát triển lưu vực Sông Mê Kông trong tương lai.

Trong bối cảnh hiện nay và trong tương lai, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường. Do vậy, để ổn định phát triển kinh tế thì các nước lưu vực Sông Mê Kông không những đoàn kết, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau trong việc phát triển kinh tế của từng quốc gia nói riêng mà còn phải tăng cường hợp tác trong công tác tuyên truyền, giáo dục bằng nhiều hình thức phong phú nhằm đấu tranh chống lại các tư tưởng sai trái, phản động, những luận điệu xuyên tạc mối quan hệ hợp tác giữa các nước lưu vực Sông Mê Kông, ảnh hưởng xấu tới mối quan hệ giữa các nước.

33. Đề tài: Chính sách Trung Đông của chính quyền Barack Obama

Học viên: Nguyễn Thị Hương Giang

Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, các nước lớn ra sức thể hiện vai trò và phát huy ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế trong tất cả các lĩnh vực. Mỹ vẫn được coi là một siêu cường với đường lối chính sách phục vụ lợi ích dân tộc là trên hết. Với bàn cờ quốc tế như hiện nay, Mỹ đang hướng tới khu vực châu Á – Thái Bình Dương không chỉ phát huy vị thế phục vụ lợi ích quốc gia mà còn nhằm hạn chế sự phát huy ảnh hưởng của một số nước lớn đang có ý bành trướng tại khu vực này. Việt Nam được coi là một trong những con rồng nổi trong khu vực châu Á. Như vậy, chính sách của Mỹ đối với khu vực châu Á có ảnh hưởng lớn đến chính sách chiến lược của Việt Nam. Để Việt Nam có sự điều chỉnh và hoạch định chính sách cho phù hợp, phát triển theo xu hướng hợp tác và hài lòng các đối tác, người viết muốn nhìn từ khía cạnh và khai thác chính sách của Mỹ đối với khu vực mang lại lợi ích và là địa bàn chiến lược quan trọng của Mỹ từ trước đến nay. Đó là khu vực Trung Đông - khu vực có vị trí chiến lược và nhiều tiềm năng phát triển kinh tế mạnh, nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào, đang là điểm nóng thu hút sự quan tâm của rất nhiều nước trên thế giới.

Trong đề tài, tác giả đề cập chủ yếu về những điều chỉnh chính sách của chính quyền Obama tại Trung Đông trong việc giải quyết những biến động phức tạp gắn với các sự kiện kinh tế, chính trị, an ninh, quân sự của khu vực Trung Đông, mà nổi bật đó là tiến trình hòa bình Palestin – Israel, vấn đề Iraq, biến động chính trị Bắc Phi – Trung Đông, hạt nhân Iran. Từ đó, thấy được Obama đã thực hiện lời hứa đi vào thực tế như thế nào thông qua chiến lược sử dụng sức mạnh cứng hài hòa với sức mạnh mềm, tạo ra một hình ảnh nước Mỹ tốt đẹp hơn trong con mắt người Hồi giáo. Với nhiệm kỳ tiếp theo của mình, chính sách Trung Đông của Obama được triển khai như thế nào với bước đầu là những chuyến công du đầy thiện chí của Obama với thế giới Hồi giáo. Và lợi ích của Mỹ có hoàn toàn nằm trên vùng đất Trung Đông nữa không?

34. Đề tài: Tác động của báo chí nước ngoài đến tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam từ 1995 đến nay

Học viên: Nguyễn Hữu Chung

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế mạnh mẽ như hiện nay, các nước đều có những chiến lược nhằm phục vụ một cách hiệu quả nhất cho việc quảng bá hình ảnh đất nước mình ra thế giới, cũng như cập nhật tình hình thế giới đáp ứng cho nhu cầu phát triển quốc gia. Do đó, với nhu cầu về thông tin giữa các quốc gia ngày càng tăng, báo chí ngày càng có vai trò và tác động lớn đến quá trình hội nhập quốc tế của mọi quốc gia.

Để thực hiện một cách tích cực và hiệu quả chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá - đa dạng hoá quan hệ và hội nhập quốc tế, Việt Nam phải vừa tranh thủ được sức mạnh của báo chí nước ngoài trong việc nâng cao hình ảnh, vị thế quốc gia, thu hút các nguồn lực bên ngoài như vốn, công nghệ, du lịch..., lại vừa hạn chế được những thông tin sai lệch về Việt Nam cũng như vẫn đảm bảo được an ninh - quốc phòng, chính trị - xã hội trước các thế lực thù địch bên ngoài. Thực tế trên đã đặt ra yêu cầu phải có một nghiên cứu, phân tích toàn diện về vai trò tích cực cũng như tồn tại của báo chí nước ngoài mà cụ thể là các sản phẩm báo chí do những phóng viên nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thực hiện trong quá trình hơn 25 năm hội nhập quốc tế vừa qua, để từ đó có những giải pháp mới về công tác quản lý, tranh thủ báo chí nước ngoài nhằm nâng cao vai trò của báo chí nước ngoài trong quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Xuất phát từ nhận thức trên, tác giả chọn đề tài ***“Tác động của báo chí nước ngoài đến tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam từ 1995 đến nay”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ. Đây là một đề tài cần thiết cả về lý luận cũng như thực tiễn khi Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiệm vụ: “tích cực và chủ động hội nhập quốc tế”.

Với yêu cầu cũng như thực tế trên, luận văn nhằm mục đích giải quyết các câu hỏi chính: Báo chí có vai trò và khả năng tác động như thế nào? Báo chí có mối quan hệ gì với quá trình hội nhập quốc tế của một quốc gia? Báo chí nước ngoài có tác động và vai trò như thế nào với tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam? Việt Nam cần có những chính sách, hành động gì để nâng cao vai trò của báo chí nước ngoài nhằm hỗ trợ cho quá trình hội nhập quốc tế một cách có hiệu quả?

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn được chia làm 3 chương. **Chương 1**, tác giả làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về hội nhập quốc tế và báo chí nước ngoài tại VN. Trong đó, nêu rõ những thành tựu đạt được trong tiến trình hội nhập quốc tế của VN và tình hình hoạt động của báo chí nước ngoài từ thời kỳ Đổi mới tới nay. **Chương 2**, tác giả phân tích tác động cũng như mối quan hệ giữa báo chí nước ngoài và quá trình hội nhập quốc tế của VN; phân tích và đánh giá những tác động của các sản phẩm báo chí nước ngoài tại VN thực hiện từ 1986 đến nay qua các giai đoạn, tập trung vào thời gian từ sau 1995. Từ đó, làm rõ vai trò của báo chí nước ngoài trong quá trình hội nhập quốc tế trong thời gian từ khi mở cửa, từ đó chỉ ra những thành công và hạn chế đồng thời nêu nguyên nhân của những hạn chế đó. **Chương 3**, tác giả đánh giá về các biện pháp quản lý, hướng dẫn, tranh thủ báo chí nước ngoài mà VN đang thực hiện và từ đó đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao vai trò của báo chí nước ngoài phục vụ cho quá trình hội nhập quốc tế trong thời gian tới, phù hợp với các chính sách của Đảng và Nhà nước.

35. Đề tài: Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC): Kết quả và Triển vọng

Học viên: Lê Việt Phương

Biển Đông là con đường hàng hải huyết mạch, đồng thời cũng là khu vực chồng chéo nhiều tranh chấp về lãnh thổ vào bậc nhất thế giới. Tính chất phức tạp của các tranh chấp tại Biển Đông đã làm tăng nguy cơ bùng phát xung đột tại đây, ảnh hưởng đến hoạt động giao thương của không chỉ các nước trong khu vực mà cả các nền kinh tế lớn trên thế giới. Trên cơ sở giới thiệu, phân tích tình hình phức tạp trong tranh chấp Biển Đông, luận văn này đề cập đến một số giải pháp tạm thời để giải quyết tranh chấp của các nước liên quan đến tranh chấp Biển Đông hoặc của các học giả nổi tiếng. Từ đó, thấy được rằng việc xây dựng DOC là bước đi đúng đắn của ASEAN và Trung Quốc để đảm bảo hòa bình và an ninh tại khu vực. Năm 2002 ASEAN và Trung Quốc đã ra Tuyên bố chung về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC), trong đó quy định về nguyên tắc chung điều chỉnh quan hệ giữa các nước và giải quyết tranh chấp, yêu cầu các quốc gia tăng cường xây dựng lòng tin, và thúc đẩy các bên liên quan tiến hành các hoạt động hợp tác.

Luận văn đã tập trung phân tích lập trường, quan điểm của các bên liên quan (ASEAN, Trung Quốc, các nước lớn) về triển khai DOC. Luận văn cũng điểm lại những kết quả DOC đã đạt được sau hơn 10 năm ký kết để thấy rằng, tuy chỉ là một văn bản chính trị không có tính ràng buộc cao, nhưng sự ra đời của DOC là một bước tiến lớn trong quan hệ ASEAN – Trung Quốc. Các bên liên quan đã thiết lập được diễn đàn để thường xuyên thảo luận về vấn đề Biển Đông. Tuy nhiên, việc triển khai DOC trên thực tế gặp nhiều khó khăn do các nước không thống nhất được cách thức sẽ tiến hành DOC như thế nào. Ngoài ra, do quan điểm, lập trường và mối quan tâm về lợi ích khác nhau trong vấn đề Biển Đông giữa nội bộ ASEAN, cũng như giữa ASEAN và Trung Quốc nên việc triển khai DOC trên thực tế đã gặp rất nhiều khó khăn.

Hiện nay, ASEAN và Trung Quốc đã thống nhất sẽ việc triển khai tích cực DOC và sớm thảo luận xây dựng COC. Là một quốc gia có liên quan trực tiếp và mật thiết đến Biển Đông, luận văn phân tích và kiến nghị một số chủ trương, giải pháp trong chính sách của ta đối với việc thúc đẩy triển khai DOC và xây dựng COC.

36. Đề tài: Tuyên truyền trong chính sách của Trung Quốc đối với vấn đề Biển Đông và đối sách của Việt Nam

Học viên: Nguyễn Thị Thanh Loan

Trong chiến lược phát triển biển của mỗi quốc gia, công tác tuyên truyền đóng vai trò hết sức quan trọng. Nó không những góp phần phát huy sức mạnh tổng thể của một đất nước mà còn tranh thủ được sự ủng hộ của dư luận quốc tế. Ý thức rõ điều này, những năm gần đây, Trung Quốc hết sức coi trọng mặt trận tuyên truyền về cái gọi là “chủ quyền quốc gia” tại Biển Đông.

Tháng 5/2009, Trung Quốc chính thức công bố yêu sách “đường lưỡi bò” (còn gọi là đường chữ U, đường đứt khúc 9 đoạn). Yêu sách phi lý này đã gặp sự phản đối trực tiếp của một số nước trong khu vực (Việt Nam, In-đô-nê-xia, Phi-líp-pin) và sự nghi ngại của cộng đồng quốc tế. Tiếp đến trên thực địa, Trung Quốc liên tiếp có những bước đi chiến lược nhằm hiện thực hóa yêu sách “đường lưỡi bò” (từ việc phá hoại cáp tàu Việt Nam hồi cuối tháng 5 đầu tháng 6/2011 đến vụ Scarborough tháng 4/2012, phê chuẩn thành lập thành phố Tam Sa, mở thầu 9 lô dầu khí trong vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam tháng 6/2012...) nhằm biến Biển Đông thành “ao nhà” của Trung Quốc khiến tình hình Biển Đông ngày càng phức tạp. Trên mặt trận truyền thông, Trung Quốc ráo riết khẳng định cái gọi là “chủ quyền không thể tranh cãi” đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, khẳng định vùng nước được bao bọc bởi “đường lưỡi bò” là vùng biển của họ; tìm đủ mọi lý lẽ, lập luận để ngụy biện cho các hành động phi pháp và yêu sách ngang ngược của mình trên Biển Đông. Những lời lẽ trên các phương tiện truyền thông của Trung Quốc tạo lá chắn ngụy trang cho các hành động gây hấn nhằm đưa Trung Quốc trở thành “cường quốc biển” đã xâm phạm nghiêm trọng các vùng biển, đảo của Việt Nam và các nước ven Biển Đông.

Việt Nam xác định giải quyết vấn đề Biển Đông cần thời gian lâu dài và mang tính chiến lược cao. Để bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên Biển Đông, VN cần phải huy động sức mạnh tổng hợp quốc gia, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, đặc biệt cần nghiên cứu chiến lược, chính sách của TQ trong đó có công tác tuyên truyền, để đề ra đối sách thích hợp trong công tác đấu tranh bảo vệ từng tấc đất, thước biển của ông cha. Vì vậy, lựa chọn đề tài nghiên cứu: ***“Tuyên truyền trong chính sách của Trung Quốc đối với vấn đề Biển Đông và đối sách của Việt Nam”*** có ý nghĩa cấp thiết và mang tính thực tế cao.

Luận văn nghiên cứu chiến lược và chính sách tuyên truyền của TQ về vấn đề Biển Đông, trong đó giới thiệu về chiến lược Biển Đông của TQ, vị trí của công tác tuyên truyền trong chiến lược đó cũng như các mục tiêu truyền truyền. Đồng thời, luận văn đi sâu vào thực trạng công tác tuyên truyền của TQ: từ nội dung, cách thức, đối tượng tuyên truyền và nhìn nhận, đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu, những khó khăn thách thức trong lĩnh vực này của TQ. Trên cơ sở đó, tác giả kiến nghị một số đối sách cụ thể trên phương diện tuyên truyền đối ngoại của Việt Nam nhằm phục vụ công tác đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích chính đáng của ta tại Biển Đông.

37. Đề tài: Xây dựng lòng tin thông qua hợp tác môi trường ở Biển Đông từ năm 2000 đến nay

Học viên: Phan Thị Cẩm Mai

Trong bối cảnh tình hình tranh chấp Biển Đông đang có nhiều diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra một cuộc xung đột vũ trang cùng với những vấn đề an ninh phi truyền thống như tội phạm xuyên biên giới, cướp biển, khủng bố, ô nhiễm môi trường..., mọi nỗ lực của các quốc gia trong khu vực Biển Đông và cộng đồng quốc tế vì một vùng biển thực sự ổn định, hòa bình để phát triển là nhu cầu cấp thiết. Để thúc đẩy hợp tác, tạo điều kiện hướng tới giải quyết tranh chấp một cách hòa bình, trước tiên các bên liên quan cần xây dựng lòng tin ở Biển Đông thông qua các hoạt động hợp tác thực chất và một trong những kênh quan trọng là thông qua hợp tác về môi trường biển bởi đây là mẫu số chung khiến các nhà lãnh đạo của các quốc gia trong khu vực dễ dàng gác những toan tính, bất đồng sang một bên để hướng tới những lợi ích lâu dài, bền vững.

Dựa trên tính cấp thiết đó, luận văn “***Xây dựng lòng tin thông qua hợp tác môi trường ở Biển Đông từ năm 2000 đến nay***” tập trung nghiên cứu quá trình hình thành cũng như các hoạt động chính của một số chương trình song phương và đa phương, dự án và tổ chức khu vực hoạt động trong lĩnh vực môi trường biển, đồng thời đưa ra đánh giá cụ thể và tổng kết về các hình thức xây dựng lòng tin đạt được hiệu quả trong lĩnh vực hợp tác môi trường biển ở Biển Đông. Từ đó, luận văn đã đưa ra một số đề xuất về mô hình xây dựng lòng tin thông qua hợp tác về môi trường ở Biển Đông trong thời gian tới.

Thông qua việc phân tích các hoạt động hợp tác về môi trường ở Biển Đông nhằm mục đích xây dựng lòng tin, luận văn khẳng định triển vọng về xây dựng, phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các nước, đồng thời khẳng định con đường duy nhất để giải quyết căng thẳng, tranh chấp ở Biển Đông là thông qua hợp tác. Mặc dù con đường hợp tác ở Biển Đông còn nhiều gian truân nhưng với những kết quả đã đạt được trong hơn một thập kỷ qua, chúng ta có thể tin tưởng rằng trong tương lai, hoạt động hợp tác về môi trường nói riêng và các hoạt động hợp tác khác ở Biển Đông nói chung sẽ tiếp tục được chú trọng và đẩy mạnh hơn nữa nhằm bảo vệ hệ sinh thái biển và đại dương, gìn giữ nguồn cung cấp tài nguyên giàu có và phong phú, hướng đến mục tiêu cuối cùng là biến Biển Đông từ khu vực tranh chấp phức tạp, thực sự trở thành một khu vực hòa bình, hợp tác và phát triển.

38. Đề tài : Ngoại giao văn hóa của Trung Quốc từ 2007 đến 2012

Học viên: Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Trong xu thế hội nhập ngày càng sâu rộng và thời đại toàn cầu hóa hiện nay, cùng với ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa được xác định là một trong ba trụ cột của ngoại giao hiện đại. Ngoại giao văn hóa được ví như một thành tố quan trọng của “quyền lực mềm” vừa có khả năng lan tỏa bền bỉ, vừa có tác dụng thâm thấu lâu dài. Nó đóng vai trò quan trọng trong chính sách đối ngoại của bất kỳ quốc gia nào.

Trung Quốc đã nỗ lực để triển khai chính sách ngoại giao văn hóa bao gồm nhiều hoạt động văn hóa trên phạm vi rộng ở các nước khác, phân phối các nguồn tài chính quan trọng để nuôi dưỡng một hình ảnh Trung Quốc tốt đẹp hơn, tăng khả năng của phương tiện thông tin đại chúng trên truyền thông quốc tế và tài trợ cho các Học viện Khổng Tử trên khắp thế giới. Ngoại giao văn hóa của Trung Quốc đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc xây dựng và thể hiện hình ảnh một dân tộc hòa bình, có nền văn hóa lâu đời giàu bản sắc và là một cường quốc đang lên, hành xử có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, xâu chuỗi các vấn đề còn tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện chính sách ngoại giao văn hóa của Trung Quốc có thể thấy, ngoại giao văn hóa của Trung Quốc hiện vẫn đang là một liên kết yếu để có thể kết nối hoàn chỉnh với ngoại giao kinh tế, ngoại giao chính trị nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp quốc gia cho nước này. Do đó, Trung Quốc vẫn còn phải đi một quãng đường dài để trở thành một nhà lãnh đạo toàn cầu thực sự trong tương lai.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận văn gồm 3 chương :

Chương 1: Khái quát về ngoại giao văn hóa và quan điểm của Trung Quốc về vai trò của ngoại giao văn hóa.

Chương 2: Thực trạng ngoại giao văn hóa Trung Quốc 2007 - 2012.

Chương 3: Chính sách ngoại giao văn hóa của Trung Quốc tại Việt Nam từ 2007 đến nay.

39. Đề tài: Chính sách của Mỹ đối với Nga dưới thời Tổng thống Barack Obama

Học viên: Phạm Thị Minh Nga

Quan hệ Mỹ- Nga có một vị trí quan trọng trong cấu trúc quyền lực toàn cầu đầu thế kỷ XXI. Từ khi Tổng thống Barack Obama lên nhậm chức cho tới nay, quan hệ Mỹ- Nga đã được “cài đặt lại” (Reset) với những bước tiến đáng kể và có ảnh hưởng tích cực nhất định đến hòa bình và an ninh ở châu Âu nói riêng và trên thế giới nói chung. Đối với Việt Nam, Mỹ và Nga là những đối tác có tầm chiến lược quan trọng đặc biệt là trong bối cảnh quan hệ quốc tế có những chuyển dịch sâu sắc, cạnh tranh quyền lực giữa các nước lớn gia tăng đầu thế kỷ XXI và Trung Quốc đang trỗi dậy ngày càng mạnh mẽ cả về kinh tế và quân sự. Nhận thức sâu hơn về bản chất, đặc thù quan hệ Mỹ- Nga là một trong những nội dung quan trọng trong nghiên cứu chính sách đối ngoại của Việt Nam hiện nay.

Với nhận thức như vậy, việc lựa chọn chủ đề: **“Chính sách của Mỹ đối với Nga dưới thời Tổng thống Barack Obama”** làm đề tài luận văn Thạc sỹ đối với học viên Cao học chuyên ngành Quan hệ Quốc tế là phù hợp với qui định chung.

Đề tài tập trung nghiên cứu chính sách đối ngoại đối với Nga của Tổng thống Mỹ Barack Obama từ khi nhậm chức ngày 20/01/2009 cho tới tháng 5/2013 với ưu tiên là các vấn đề cơ bản về chính trị, an ninh, và kinh tế. Đề tài nghiên cứu tương đối toàn diện và có hệ thống sự vận động của quan hệ Nga- Mỹ trong nhiệm kỳ 1 của Tổng thống Obama, trên cơ sở đó bước đầu làm rõ tính chất quan hệ giữa các nước lớn và vai trò của các nước lớn nói chung trong trật tự thế giới mới.

Ngoài ra, luận văn đưa ra một số đánh giá bước đầu về ảnh hưởng của quan hệ Nga- Mỹ đến Việt Nam, từ đó nêu một số kiến nghị nhằm xử lý đúng đắn các mối quan hệ giữa Việt Nam với các nước lớn.

Cuối cùng, luận văn đã góp phần luận giải và làm sáng tỏ thêm chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, phương châm cân bằng trong quan hệ với các nước lớn của Việt Nam.

40. Đề tài: Hợp tác quốc phòng ASEAN và sự tham gia của Việt Nam

Học viên: Đỗ Văn Đáng

Những năm gần đây, môi trường an ninh tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói chung và khu vực Đông Nam Á nói riêng đang có những diễn biến phức tạp với nhiều nguy cơ an ninh nảy sinh, thách thức trực tiếp đến sự ổn định của ASEAN cũng như mỗi quốc gia thành viên. Trong bối cảnh đó, hợp tác quốc phòng ASEAN đang trở thành một lĩnh vực quan trọng, phát triển nhanh chóng và thu hút nhiều sự quan tâm. Đối với Việt Nam, tầm quan trọng của hợp tác quốc phòng cũng được Đảng ta khẳng định rõ khi Đại hội XI xác định “*Tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng an ninh*”. Với tinh thần đó, việc nghiên cứu thực trạng, xu thế hợp tác quốc phòng của ASEAN có ý nghĩa quan trọng và thiết thực, làm cơ sở cho việc đánh giá tình hình và định ra chủ trương tham gia đúng hướng và hiệu quả hơn của Việt Nam trong thời gian tới.

Luận văn gồm 3 chương.

Chương 1: Các nhân tố tác động đến hợp tác quốc phòng của ASEAN: tác giả nêu khái quát về môi trường an ninh khu vực Đông Nam Á thời gian gần đây, trên cơ sở đó làm nổi bật tầm quan trọng của hợp tác quốc phòng đối sự ổn định và phát triển của ASEAN; đi sâu phân tích những nhân tố chính tác động đến tình hình hợp tác quốc phòng của ASEAN.

Chương 2: Thực trạng hợp tác quốc phòng của ASEAN: tập trung hệ thống, phân tích các hoạt động hợp tác quốc phòng của ASEAN trên từng diễn đàn cụ thể, từ hợp tác nội khối đến hợp tác giữa ASEAN với các đối tác bên ngoài và hợp tác trên các diễn đàn đa phương rộng lớn hơn. Từ đó rút ra những nét mang tính đặc trưng của hợp tác quốc phòng ASEAN thời gian qua và triển vọng hợp tác trong thời gian tới

Chương 3: Sự tham gia của Việt Nam: tác giả đi sâu phân tích quan điểm, chính sách và thực tiễn tham gia của Việt Nam trên từng cơ chế, từng diễn đàn và đánh giá những hạn chế, khó khăn trong lĩnh vực hợp tác này.

41. Đề tài: Quan hệ Việt Nam – Myanmar hai thập niên đầu thế kỷ XXI

Học viên: Dương Thị Cẩm Thương

Việt Nam và Myanmar là hai nước có quan hệ truyền thống tốt đẹp. Miến Điện, nay là Myanmar là một trong số ít nước mà Việt Nam có quan hệ rất sớm, chỉ hai năm sau khi giành được độc lập, năm 1947, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã mở Văn phòng Đại diện của mình ở Thủ đô Rangoon (nay là Yangon).

Ngoài ra, Việt Nam và Myanmar là hai nước rất gần gũi nhau về mặt địa lý, cùng nằm trong khu vực Đông Nam Á, và hiện nay đều là thành viên của khối ASEAN. Chính sách đối ngoại của hai nước cũng phù hợp với lợi ích và sự phát triển của hai nước. Và đây chính là những cơ sở để hai nước học hỏi và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình phát triển, phù hợp với tiềm năng hợp tác của hai bên.

Ngoài Lời mở đầu, Kết luận, tài liệu tham khảo, luận văn gồm 03 chương chính:

Chương 1: Những nhân tố tác động đến quan hệ Việt Nam - Myanmar trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Chương 2: Thực trạng quan hệ Việt Nam và Myanmar từ năm 2000 đến năm 2013.

Chương 3: Triển vọng về quan hệ Việt Nam - Myanmar, giải pháp thúc đẩy quan hệ hai nước đến năm 2020 và khuyến nghị.

Myanmar là một đất nước có nguồn tài nguyên phong phú. Kể từ khi bước vào giai đoạn mở cửa với các chính sách ưu đãi dành cho đầu tư và xuất nhập khẩu, Myanmar trở thành một thị trường vô cùng tiềm năng đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Đây cũng chính là cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường tại Myanmar. Với sự quan tâm hỗ trợ của Chính phủ hai nước, quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa Việt Nam và Myanmar đến năm 2020 sẽ ngày càng được tăng cường, phù hợp với triển vọng hợp tác thiết thực, hiệu quả và hai bên cùng có lợi.

42. Đề tài: Quan hệ Việt – Trung hai thập niên đầu thế kỷ XXI: Thực trạng và triển vọng

Học viên: Nguyễn Anh Tuấn

Trước tác động của các xu thế thời đại, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hợp tác liên kết, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, mặc dù đã đạt được những thành tựu rất quan trọng, đáp ứng nhu cầu, lợi ích của cả 2 nước, song cũng còn không ít khó khăn, hạn chế cần phải tiếp tục tháo gỡ bằng những cơ chế, chính sách và giải pháp cụ thể.

Do vậy tác giả nghiên cứu một cách toàn diện hơn về mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc từ sau khi bình thường hóa đến nay để làm rõ thực chất sự vận động, phát triển và triển vọng của nó có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận lẫn thực tiễn đối với Việt Nam.

Kết cấu của luận văn gồm: mở đầu, kết luận, danh mục các tài liệu tham khảo, và nội dung luận văn gồm 3 chương, 7 tiết, với các nội dung chính như:

Chương 1: Luận văn tập trung trình bày khái quát về cơ sở lý luận, thực tiễn của quan hệ Việt - Trung thông qua các nội dung về tình hình phát triển chung của thế giới, tình hình khu vực. Bên cạnh đó, nêu rõ Quan điểm đối ngoại của Đảng, nhà nước hai nước Việt Nam – Trung Quốc trong giai đoạn này, đồng thời khái quát về quan hệ Việt Nam – Trung Quốc trước năm 2000.

Chương 2: Đánh giá thực trạng quan hệ hai nước trên một số lĩnh vực chủ yếu, đồng thời đưa ra nhận định về một số vấn đề còn tồn tại của quan hệ hai nước trong một số lĩnh vực.

Chương 3: Dự báo triển vọng và một số giải pháp kiến nghị nhằm thúc đẩy mối quan hệ hai nước Việt Nam – Trung Quốc.

43. Đề tài: Nhân tố văn hóa trong quan hệ Việt - Pháp giai đoạn từ năm 1991 đến nay

Học viên: Nguyễn Thị Thúy Hằng

Việt Nam và Pháp là hai quốc gia nằm cách xa nhau về mặt địa lý và khác biệt về văn hóa. Mặc dù vậy, trong lịch sử phát triển của mình, cả hai nước đã có những mối quan hệ rất sớm. Mối quan hệ đó mang nhiều tính chất, đặc điểm khác nhau tùy vào từng thời kỳ; khi là mối quan hệ của kẻ đi xâm lược và người bị xâm lược, khi thì là quan hệ của kẻ thống trị và kẻ bị trị, khi lại là quan hệ bình đẳng, hợp tác giữa hai quốc gia độc lập, có chủ quyền và có ảnh hưởng qua lại lẫn nhau trong lịch sử của mỗi nước”. Nhưng mối quan hệ về lịch sử đó lại là tiền đề cho mối quan hệ về chính trị, văn hóa, kinh tế.... Do vậy, ngày nay trên đất nước Việt Nam, trong suy nghĩ của mỗi con người, trong đời sống văn hóa, văn học nghệ thuật cũng như các thể chế chính trị vẫn mang dư âm và ảnh hưởng của nền văn hóa Pháp. Văn hóa cũng chính là nội lực, công cụ, cầu nối và động lực để Việt Nam có thể thúc đẩy mối quan hệ song phương Việt-Pháp phát triển trên các lĩnh vực khác như chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật... Đến nay dù quan hệ hợp tác giữa hai nước đã được thực hiện trên nhiều lĩnh vực tuy nhiên số lượng vẫn còn hạn chế và chưa sâu đúng với tiềm năng của hai nước. Việc thúc đẩy quan hệ giữa hai nước thông qua nhiều hình thức là rất cần thiết, trong đó văn hóa đóng một vai trò hết sức quan trọng để giúp Việt Nam đưa được hình ảnh quốc gia tới Pháp là cách thức hiệu quả có tác động cả về chiều rộng và chiều sâu.

Luận văn đã xác định tác động của nhân tố văn hóa có ảnh hưởng như thế nào đối với quan hệ ngoại giao của Pháp và Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1991 đến nay, nhân tố văn hóa nào tác động tích cực hay tiêu cực đến quan hệ ngoại giao của hai nước, từ đó rút ra bài học để Việt Nam có thể tranh thủ cách dùng văn hóa trong phát triển quan hệ đối ngoại với nước Pháp nói riêng và các nước khác trên thế giới nói chung.

44. Đề tài: Ngoại giao nhân dân trong quan hệ Lào – Việt Nam từ năm 2000 đến nay

Học viên: Ladtanavady Sayasone

*** Lý do chọn đề tài:** Ngoại giao nhân dân là phương thức ngoại giao khôn khéo và hiệu quả mà hai nước đã tính đến để duy trì và phát huy hiệu quả trong quan hệ Lào – Việt. Để có cái nhìn bao quát, tổng thể về cách thức ngoại giao này cũng như những thành quả, những hạn chế và bài học kinh nghiệm của ngoại giao nhân dân đối với quan hệ hai nước Lào – Việt Nam, tác giả đã chọn đề tài **“Ngoại giao nhân dân trong quan hệ Lào - Việt Nam từ 2000 đến nay”** làm đề tài luận văn của mình.

*** Mục đích:** Làm rõ vai trò của ngoại giao nhân dân trong việc củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Lào – Việt Nam. Xác định những vấn đề cần giải quyết để có thể thúc đẩy hoạt động ngoại giao nhân dân phát huy sức mạnh, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực giữa nhân dân hai nước ngày càng đạt kết quả cao.

***Phạm vi nghiên cứu:**

Về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu vai trò của ngoại giao nhân dân trong quan hệ Lào – Việt Nam; sự hình thành, phát triển và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đoàn thể quần chúng nhân dân và các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị do Đảng thành lập và thực hiện công tác ngoại giao nhân dân dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước.

Về thời gian: bắt đầu từ năm 2000 đến 2012

*** Kết cấu của luận văn:** gồm có 3 chương

Chương 1: Khái quát về ngoại giao nhân dân của Lào với Việt Nam.

Chương 2: Ngoại giao nhân dân giữa Lào và Việt Nam từ năm 2000 đến 2012.

Chương 3: Triển vọng ngoại giao nhân dân trong quan hệ Lào – Việt.

*** Hướng gợi mở của luận văn:** Thực tiễn hoạt động đối ngoại nhân dân trước yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới, thực hiện chủ trương đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước Lào cho thấy, công tác đối ngoại nhân dân có vai trò quan trọng mang tính chiến lược trước mắt cũng như lâu dài của Lào trong xu thế mở rộng quan hệ hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế và khu vực. Trong bối cảnh hiện nay, khi Lào đang đẩy mạnh công cuộc phát triển đất nước nhưng phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, như vậy để tháo bỏ những cản trở ấy đối ngoại nhân dân sẽ là một nhân tố tạo môi trường bên ngoại thuận lợi trong củng cố và tăng cường quan hệ hợp tác giữa Lào với các nước bạn bè quốc tế và đặc biệt là giữa Lào và Việt Nam.

45. Đề tài: Chính sách quay trở lại châu Á – Thái Bình Dương của chính quyền Obama và tác động lên thương mại Mỹ - Trung Quốc

Học viên: Phạm Thị Thu Hiền

Vào mùa thu năm 2011, chính quyền Obama đã đưa ra hàng loạt các tuyên bố cấp cao về chính sách châu Á - Thái Bình Dương nhằm thu hút sự chú ý của dư luận thế giới cũng như để khẳng định quyết tâm của mình trong việc tăng cường sự hiện diện và tầm ảnh hưởng tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Chính sách châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền Obama là sự điều chỉnh chiến lược toàn cầu của Mỹ. Bất cứ một sự điều chỉnh chính sách nào của Mỹ cũng sẽ có tác động đến đời sống chính trị và kinh tế quốc tế. Do đó, chúng ta cần nghiên cứu chính sách để hiểu được những diễn biến trong tình hình quốc tế. Đồng thời nghiên cứu tác động của chính sách lên quan hệ thương mại Mỹ - Trung - một trong những mối quan hệ mang tính định hình thương mại quốc tế trong thế kỉ XXI sẽ giúp chúng ta hiểu được chiều hướng phát triển của quan hệ thương mại song phương Mỹ - Trung cũng như quan hệ thương mại quốc tế.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những nhân tố chi phối chính sách châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền Obama.

Chương 2: Thực trạng triển khai chính sách châu Á - Thái Bình Dương của chính quyền Obama.

Chương 3: Tác động của chính sách châu Á - Thái Bình Dương lên quan hệ thương mại Mỹ - Trung.

46. Đề tài: Quan hệ Lào – Campuchia từ sau chiến tranh lạnh đến nay

Học viên: Kedsana Volaphet

*** Lý do chọn đề tài:** Khi chiến tranh lạnh kết thúc với xu thế hai cực đã chuyển sang hòa hoãn, hợp tác và phát triển. Vì vậy, Lào và Campuchia muốn duy trì và phát triển mối quan hệ hai nước thì cần phải đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương trên nguyên tắc bình đẳng đôi bên cùng có lợi để tạo nên sự bền vững, gắn kết với nhau. Trên cơ sở đó, tác giả đã chọn: **“Quan hệ Lào – Campuchia từ sau chiến tranh lạnh đến nay”** để làm đề tài luận văn.

*** Mục đích:** Làm rõ thực trạng quan hệ Lào – Campuchia trong giai đoạn năm 1991 đến 2012 đồng thời có những đánh giá và đưa ra những kiến nghị nhằm mục đích tăng cường mối quan hệ hữu nghị Lào và Campuchia trong tương lai.

*** Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Nghiên cứu các nhân tố tác động đến quan hệ Lào – Campuchia giai đoạn từ sau chiến tranh lạnh đến nay (1991 – 2012).

- Nghiên cứu mối quan hệ giữa Lào và Campuchia giai đoạn từ sau chiến tranh lạnh đến nay (1991 – 2012) trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội và y tế.

- Từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm và đưa ra những kiến nghị để thúc đẩy và phát triển mối quan hệ giữa hai nước trong những năm tới để cùng nhau xây dựng và phát triển đất nước.

*** Kết cấu của luận văn:** gồm có 3 chương

Chương 1: Những nhân tố cơ bản tác động đến quan hệ Lào - Campuchia từ sau chiến tranh lạnh đến nay.

Chương 2: Thực trạng quan hệ Lào - Campuchia giai đoạn từ sau chiến tranh lạnh đến nay.

Chương 3: Triển vọng và một số kiến nghị thúc đẩy quan hệ Lào-Campuchia thời gian tới. Chương này sẽ tập trung nghiên cứu triển vọng quan hệ hai nước và đưa ra một số kiến nghị để thúc đẩy quan hệ Lào – Campuchia trong những năm tới.

*** Hướng gọi mở của luận văn:** Trong bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, vừa thuận lợi, vừa đan xen những khó khăn, thách thức. Nhận thấy được tầm quan trọng về mối quan hệ láng giềng, truyền thống, hữu nghị giữa Lào và Campuchia. Đảng và Nhân dân hai nước đang cố gắng phát huy những thế mạnh của mình, khắc phục khó khăn hạn chế như, các chính sách về đầu tư và thu hút đầu tư của hai nước còn chưa được hoàn thiện, hàng rào thuế quan làm cản trở trao đổi hợp tác thương mại giữa hai bên. Sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng hai nước trong việc hợp tác còn nhiều bất cập, hợp tác chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước.

Nhận thức và xác định rõ những tồn tại nêu trên giúp hai nước đưa ra những giải pháp tích cực nhằm khắc phục những hạn chế. Từ đó mở ra triển vọng quan hệ hai nước trong tương lai, quyết tâm phấn đấu đưa mối quan hệ Lào – Việt lên tầm cao mới. Với những gì đã đạt được, chúng ta có thể tin tưởng vào triển vọng tốt đẹp về quan hệ Lào – Campuchia trong tương lai.

47. Đề tài: Hợp tác Lào – UNICEF trong việc bảo vệ quyền trẻ em

Học viên: Keophalyvanh Xaysetha

Trong lịch sử phát triển của nhân loại cũng như mỗi quốc gia, dân tộc, quyền con người luôn là một vấn đề lớn và là mục tiêu phấn đấu của tất cả loài người tiến bộ. Có thể nói những thành tựu pháp lý quốc tế và pháp luật của các quốc gia về quyền con người hiện nay là sản phẩm của cuộc đấu tranh hết sức lâu dài, gian khổ của toàn thể nhân loại tiến bộ chống áp bức, bất công, xây dựng cuộc sống tự do, bình đẳng và hạnh phúc cho mỗi người.

Quyền con người là một khái niệm rộng lớn, bao gồm các quyền của cá nhân, tập thể, của nhóm người, cộng đồng người trong xã hội. Trong đó, với những đặc trưng về thể chất và giới tính, bên cạnh phụ nữ, trẻ em là nhóm xã hội dễ bị tổn thương nhất cần phải được quan tâm bảo vệ một cách đặc biệt. Trẻ em là tương lai của đất nước và sự phát triển của trẻ em là một thước đo cho sự phát triển của đất nước. Do đó, việc bảo vệ và chăm sóc trẻ em là một vấn đề luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của mọi quốc gia. Lào cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Ngay từ những ngày đầu lập nước, CHDCND Lào đã rất quan tâm đến vấn đề quyền trẻ em ở cả góc độ luật pháp và thực tế cuộc sống. Từ những điều khoản liên quan đến quyền trẻ em trong Hiến Pháp Lào cho đến Luật Bảo vệ quyền và lợi ích trẻ em (2006) là một bước tiến lớn trong việc cải thiện các quy định của luật pháp liên quan đến quyền trẻ em tại Lào. Lào đã có nhiều nỗ lực trong việc hiện thực hóa những quy định luật pháp liên quan đến quyền trẻ em thành những hành động thiết thực và hiệu quả trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo lẫn lĩnh vực đời sống xã hội. Chính sách hợp tác giữa Lào và UNICEF là một phần của quá trình thực hiện chính sách bảo vệ quyền trẻ em tại Lào. Dựa trên cơ sở là thực trạng quyền trẻ em tại Lào, các chính sách liên quan đến quyền trẻ em tại Lào và đặc biệt là dựa trên thiện chí của UNICEF trong việc hợp tác với chính phủ Lào, chính sách của Lào đối với UNICEF luôn nhất quán là tăng cường các hoạt động hợp tác giữa 2 bên nhiều lĩnh vực. Chính sách hợp tác này không chỉ đã giúp Lào đạt được những thành quả đáng kể trong việc thực thi quyền trẻ em tại quốc gia này mà còn là cầu nối giúp Lào tăng cường hợp tác theo trục Nam – Nam.

Hợp tác giữa Lào và UNICEF tuy được triển khai trên nhiều lĩnh vực trong một khoảng thời gian dài và cũng đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Tuy nhiên mối quan hệ hợp tác này thực sự vẫn chưa khai thác hết tiềm năng. Thông qua 2 nhóm giải pháp là cải thiện tình hình thực hiện quyền trẻ em trong nước và tăng cường hiệu quả hoạt động của các chương trình hợp tác với UNICEF, hy vọng rằng trong thời gian tới hợp tác Lào – UNICEF sẽ đạt được nhiều thành tựu hơn nữa, tương xứng với tiềm năng của mối quan hệ này.

48. Đề tài: Vai trò của Lào trong cuộc đấu tranh phòng chống ma túy trong khuôn khổ ASEAN

Học viên: Maninouth Khennavong

*** Lý do chọn đề tài:** Hiện nay, hoạt động mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy là một vấn nạn nóng bỏng, không chỉ trong nội bộ của một quốc gia mà còn là vấn đề cần được quan tâm của nhiều nước. Việc nghiên cứu vai trò của Lào trong cuộc đấu tranh phòng chống ma túy trong khuôn khổ ASEAN là điều hết sức cần thiết, bởi lẽ CHNCND Lào đã khẳng định quyết tâm triển khai thực hiện các nghĩa vụ quốc tế đã cam kết. Bên cạnh hoạt động hợp tác đa phương, hợp tác song phương về phòng chống ma túy đã dần đi vào chiều sâu, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong công tác phòng chống ma túy ở Lào. Đây là lý do chính đưa tác giả tới sự lựa chọn đề tài: ***“Vai trò của Lào trong cuộc đấu tranh phòng chống ma túy trong khuôn khổ ASEAN”*** để viết luận văn.

*** Mục đích:**

- Đánh giá tổng quát tình hình phòng chống ma túy tại Lào cũng như khu vực Đông Nam Á đồng thời chỉ ra những khó khăn, hạn chế và thách thức trong cuộc chiến phòng chống ma túy đầy gian nan và nguy hiểm

- Phân tích các nhân tố bên trong và bên ngoài thúc đẩy quan hệ hợp tác phòng chống ma túy của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các nước trong khu vực ASEAN

- Nêu bật những thành quả, vai trò to lớn của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trong cuộc đấu tranh phòng chống ma túy trong khuôn khổ ASEAN

- Đưa ra dự báo, triển vọng quan hệ hợp tác phòng chống ma túy của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các nước trong khu vực ASEAN trong những năm tới đây.

*** Phạm vi nghiên cứu**

Về nội dung: Luận văn này chỉ đi sâu vào phân tích, đánh giá một cách khách quan, tổng thể, hiện trạng ma túy và công tác phòng chống ma túy ở Lào và trong khu vực ASEAN, vai trò và những khó khăn hạn chế trong hợp tác quốc tế, phòng chống ma túy của Lào trong khuôn khổ ASEAN

Về thời gian: Luận văn tập chung vào giai đoạn từ khi Lào gia nhập ASEAN (1997) cho đến nay

*** Kết cấu của luận văn:** gồm có 3 chương

Chương 1: Khái quát chung về công tác phòng chống ma túy tại Lào và khu vực ASEAN.

Chương 2: Vai trò của Lào trong hợp tác chống ma túy của ASEAN.

Chương 3: Đánh giá chung và một số khuyến nghị nhằm nâng cao vai trò của Lào trong ASEAN.

49. Đề tài: Vai trò của Tổ chức phi Chính phủ nước ngoài trong quá trình giải quyết đói nghèo tại Lào

Học viên: Sonthana Vangkonevilay

*** Lý do chọn đề tài:** CHDCND Lào là một trong những nước nghèo nhất thế giới, là một nước nông nghiệp lạc hậu, lại trải qua nhiều năm bị chiến tranh tàn phá. Vì vậy sự tồn tại và phát triển của Lào đang gặp rất nhiều thách thức do tình trạng đói nghèo gây ra. Nhưng Đảng và Nhà nước Lào đã nỗ lực không ngừng để giải quyết vấn đề hàng đầu là xóa đói giảm nghèo, trong đó các TCPCPNN cùng với những hoạt động thiết yếu của mình có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp xóa đói giảm nghèo của nước Lào. Vì vậy tác giả đã chọn đề tài **“Vai trò của TCPCPNN trong quá trình giải quyết đói nghèo tại Lào”** làm đề tài luận văn của mình.

*** Mục đích:** Luận văn hướng tới việc làm rõ vai trò của các TCPCPNN trong công cuộc xóa đói giảm nghèo tại Lào. Từ đó đưa ra phương hướng và giải pháp nhằm tăng cường sự quản lý của nhà nước đối với các TCPCPNN.

*** Phạm vi nghiên cứu:** Trong luận văn này tác giả chỉ nghiên cứu đến vai trò, quyền và nghĩa vụ, hoạt động của các TCPCPNN, sự quản lý của chính phủ Lào với TCPCPNN trong việc giúp đỡ giải quyết vấn đề nghèo đói tại Lào và những vấn đề khó khăn hạn chế còn tồn tại.

Về thời gian : Luận văn tập trung nghiên cứu từ sau 1991 đến nay.

*** Kết cấu của luận văn:** gồm có 3 chương

Chương 1: Thực trạng đói nghèo và chính sách của chính phủ Lào.

Chương 2: Vai trò TCPCPNN trong công cuộc chiến chống đói nghèo tại Lào.

Chương 3: Triển vọng của các TCPCPNN trong công cuộc xóa đói giảm nghèo tại Lào.

*** Hướng gọi mở của luận văn**

Việc xóa đói giảm nghèo đã và đang là một nhiệm vụ cấp bách đặt ra không phải chỉ ở quy mô quốc gia và quốc tế, mà ngay ở cấp tỉnh và cấp địa phương. Công cuộc này cũng đang thu hút những nỗ lực to lớn của toàn thể xã hội. Có thể thấy rằng trong những năm qua hoạt động của các TCPCPNN đã giúp đỡ nước Lào rất nhiều trong việc giải quyết các vấn đề xã hội: thất nghiệp, đói nghèo, xây dựng những cơ sở hạ tầng cho những vùng điều kiện còn khó khăn, Có thể nói, đây là đóng góp rất to lớn của các TCPCPNN tại Lào.

50. Đề tài: Những thách thức an ninh – chính trị đối với Mỹ tại Châu Á – Thái Bình Dương sau 11/9/2001 và tác động tới Việt Nam

Học viên: Nguyễn Viết Linh

Vị trí của khu vực Châu Á - Thái bình Dương ngày càng được nâng cao trong các tính toán của các cường quốc thế giới, đặc biệt là Mỹ. Vụ khủng bố 11/9/2001 đã có những tác động mạnh mẽ tới tình hình an ninh của khu vực. Sau sự kiện 11/9/2001, những thách thức an ninh – chính trị đối với Mỹ trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương trở nên phức tạp hơn.

Để đối phó với những thách thức này, Tổng thống Bush và Tổng thống Obama đã có những điều chỉnh chiến lược an ninh khu vực và chính sách tùy theo từng thời điểm. Là một quốc gia trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, Việt Nam đã chịu những tác động sâu sắc từ những điều chỉnh chính sách của Mỹ.

Trên cơ sở phân tích những thách thức an ninh - chính trị của Mỹ tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương sau 11/9/2001, luận văn đi sâu làm rõ những giải pháp của Mỹ cho các thách thức này thông qua việc điều chỉnh chiến lược và chính sách trong hai nhiệm kỳ Tổng thống Bush và nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Obama, làm rõ các tác động của chúng tới Việt Nam.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn sẽ được chia thành ba chương chính:

Chương 1: Trình bày khái quát vai trò của Châu Á - Thái Bình Dương đối với Mỹ và tác động của sự kiện 11/9/2001 đến khu vực này. Đặc biệt, chương này làm rõ các thách thức an ninh- chính trị chính đối với Mỹ tại khu vực sau 11/9/2001.

Chương 2: Đi sâu phân tích và làm rõ các điều chỉnh chiến lược và chính sách của Mỹ tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương dưới thời Tổng thống Bush và nhiệm kỳ đầu của Tổng thống Obama nhằm đối phó với những thách thức đối với Mỹ tại khu vực.

Chương 3: Chương này đề cập đến các mối quan hệ Việt - Mỹ và các tác động của việc điều chỉnh chính sách nêu trên của Mỹ tới Việt Nam nói chung và đặc biệt là quan hệ Việt - Mỹ.

51. Đề tài: Chính sách đối ngoại của Nam Phi từ năm 1994 đến nay

Học viên: Lê Đức Trung

Trong lĩnh vực đối ngoại, Nam Phi là một quốc gia có tầm ảnh hưởng tại châu Phi nói chung và khu vực miền Nam châu Phi nói riêng. Trước năm 1994, Nam Phi dưới chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai (Apartheid) đã khiến cho quốc gia này bị cô lập ở khu vực và trên thế giới. Vì vậy, Nam Phi triển khai chính sách đối ngoại gặp rất nhiều khó khăn và hạn chế. Ngay sau khi Đảng Đại hội dân tộc Phi (ANC) lên cầm quyền vào tháng 4 năm 1994, Nam Phi tích cực tăng cường vai trò, ảnh hưởng trong Cộng đồng Phát triển Nam phần châu Phi (SADC). Nam Phi là một trong những nước đưa ra Chương trình đối tác mới vì sự phát triển của châu Phi (NEPAD) và ngày càng có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy liên kết kinh tế ở châu lục. Nam Phi rất chú trọng quan hệ với các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, EU, Nga, Trung Quốc, Ấn Độ nhằm thu hút vốn, đầu tư, khoa học-kỹ thuật và mở rộng kinh tế đối ngoại. Đặc biệt, không chỉ dừng lại ở các mối quan hệ có tính truyền thống, xu hướng mở rộng quan hệ với các quốc gia và khu vực khác trên thế giới đang ngày càng được định hình và phát triển mạnh mẽ. Khu vực Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng cũng đã và đang giành được sự chú ý nhất định trong chính sách đối ngoại của Nam Phi. Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, hầu hết các nước lớn và nhiều quốc gia khác khi xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược của mình đối với châu Phi không thể không tính đến vị trí, vai trò của Nam Phi, cũng như những tác động và ảnh hưởng có thể của quốc gia này đối với châu lục và khu vực.

Đối với Việt Nam, chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế mà Đảng và Nhà nước ta chủ trương đòi hỏi phải có một sự nhận biết về các chủ thể, các đối tác trong quan hệ quốc tế, để từ đó, chúng ta có thể chủ động phát triển mối quan hệ bình đẳng, cùng có lợi, ổn định lâu dài, đồng thời làm cơ sở để hoạch định một cách tổng thể chính sách đối ngoại đúng đắn, hiệu quả của Việt Nam.

